

Bồ Tát Bản Hạnh Kinh

BO TAT BAN HANH KINH Q 03.

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION

<http://www.daitangvietnam.com>

**Nguyễn Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyễn
Hiển Trần Tiến Huyền Phiên Âm.**

Phật Tử Bùi Đức Huê dịch tiếng Việt 1/2012.

=====
=====

**# Taisho Tripitaka Vol. 3, No. 155 菩薩本行經,
CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.15,
Normalized Version**

**# Taisho Tripitaka Vol. 3, No. 155 Bồ Tát
Bản Hạnh Kinh, CBETA Chinese Electronic
Tripitaka V1.15, Normalized Version.**

佛說菩薩本行經卷下

**Phật thuyết Bồ-tát Bản Hạnh Kinh quyển hạ.
Phật nói Kinh Hạnh gốc của Bồ Tát quyển
cuối.**

失譯人名今附東晉錄

Thất dịch nhân danh kim phụ Đông Tấn lục.

爾時如來說是正真微妙語時。

Nhĩ thời Như Lai thuyết thị Chính-chân vi diệu ngữ thời.

Thời đó khi Như Lai nói lời Chân chính vi diệu kia.

諸疫鬼輩皆走去向摩竭國。毘舍離國病盡除差。

Chư dịch Quỷ bối giai tẩu khứ hướng Ma-kiệt quốc. Tì-xá-ly quốc bệnh tận trừ sai.

Các Quỷ dịch, bọn chúng đều chạy về hướng nước Ma Kiệt. Nước Tì Xá Ly bệnh nhanh trừ hết.

時佛復還摩竭國中。疫鬼復還毘舍離國。

Thời Phật phục hoàn Ma-kiệt quốc trung.

Dịch Quỷ phục hoàn Tì-xá-ly quốc.

Lúc đó Phật lại trở về nước Ma Kiệt. Quỷ dịch lại trở về nước Tì Xá Ly.

爾時世尊往來七返。即便說言：

Nhĩ thời Thế Tôn vãng lai thất phản. Tức tiện thuyết ngôn：

Thời đó Thế Tôn qua lại 7 lần. Tức thời liền đọc nói rằng :

我從無數劫以來。所作功德作大誓願。

Ngã tòng vô số Kiếp dĩ lai. Sở tác công Đức tác đại thệ nguyện.

Ta từ vô số Kiếp tới nay. Làm được công Đức làm thệ nguyện lớn.

我今以此正真之行。除去一切眾生身病并除意病。

Ngã kim dĩ thử Chính-chân chi hạnh. Trừ khứ nhất thiết chúng sinh thân bệnh tinh trừ ý bệnh.

Ta nay dùng Hạnh Chân Chính này. Trừ bỏ thân bệnh kể cả ý bệnh của tất cả chúng sinh.

佛言：我爲尸毘王時。爲一鴿故割其身肉。

Phật ngôn : Ngã vi Thi-tì Vương thời. Vị nhất cấp cố cát kỳ thân nhục.

Phật nói rằng : Khi Ta là Vua Thi Tì. Cố vì một con chim bồ câu cắt thịt thân của mình.

興立誓願除去一切眾生危嶮。

Hưng lập thệ nguyện trừ khứ nhất thiết chúng sinh nguy hiểm.

Hưng lập thế nguyện trừ bỏ nguy hiểm của tất cả chúng sinh.

摩訶薩埵太子時。爲餓虎故放捨身命。

Ma-ha Tát-đỏa Thái-tử thời. Vị nga hổ cố phóng xả thân mệnh.

Khi là Thái Tử Ma Ha Tát Đỏa. Cố vì hổ đói buông bỏ thân mệnh.

舍尸王時。自以身肉供養病人經十二年。

Xá-thi Vương thời. Tự dĩ thân nhục cúng dưỡng bệnh nhân kinh thập nhị niên.

Khi là Vua Xá Thi. Tự lấy thịt thân cúng dưỡng người bệnh trải qua 12 năm.

阿彌陀加良王時。病自合藥而欲服之。

A-Di-Đà Gia-lương Vương thời. Bệnh tự hợp dược nhi dục phục chi.

Lúc là Vua A Di Đà Gia Lương. Bệnh tự hợp thuốc mà muốn uống thuốc.

時有辟支佛病與王同。來從乞藥王自不服。

Thời hữu Bích Chi Phật bệnh dĩ Vương đồng. Lai tòng khát dược Vương tự bất phục.

Lúc đó có Bích Chi Phật bệnh cùng giống như Vua. Theo tới xin thuốc, Vua tự không uống.

即便持藥施辟支佛。自作誓願使一切病皆悉除愈。

Tức tiện trì dược thí Bích Chi Phật. Tự tác thệ nguyện sử nhất thiết bệnh giai tất trừ dữ. Tức thì đem thuốc Bồ thí cho Bích Chi Phật. Tự làm thệ nguyện, làm cho các bệnh tất cả đều nhanh khỏi.

修陀素彌王時。百王臨死而濟其命。

Tu-đà Tố-di Vương thời. Bách Vương lâm tử nhi tế kỳ mệnh.

Khi là Vua Tu Đà Tố Di. Trăm Vua sắp chết mà cứu giúp mệnh của họ.

令迦摩沙颯王使入正見。十二年惡誓使得銷除。

Linh Ca-ma-sa-bạt Vương sử nhập Chính-kiến. Thập nhị niên ác thệ sử đắc tiêu trừ.

Giúp cho Vua Ca Ma Sa Bạt khiến cho được đi vào Nhìn thấy đúng. 12 năm thệ nguyện ác làm cho được tiêu trừ.

須大拏太子時。二兒及婦持用布施。

Tu-đại-nã Thái-tử thời. Nhị nhi cập phụ trì dụng Bồ-thí.

Khi là Thái Tử Tu Đại Nã. Hai trẻ thơ cùng với phụ nữ đem tới dùng để Bồ thí.

摩休沙陀太子時。以藥除眾生病。

Ma-hư-sa-đà Thái-tử thời. Dĩ dược trừ chúng sinh bệnh.

Khi là Thái Tử Ma Hư Sa Đà. Dùng thuốc trừ diệt bệnh của chúng sinh.

復入大海得摩尼珠。復除眾生貧困。

Phục nhập đại hải đắc Ma-ni châu. Phục trừ chúng sinh bần khổ.

Lại đi vào biển lớn được châu Như ý. Lại trừ diệt nghèo khó của chúng sinh.

摩訶婆利王時。二十四日自以身肉以供病人。

Ma-ha-bà-lợi Vương thời. Nhị thập tứ nhật tự dĩ thân nhục dĩ cung bệnh nhân.

Khi làm Vua Ma Ha Bà Lợi. 24 ngày tự lấy thịt của thân, dùng để cung cấp cho người bệnh.

羼提婆羅仙人時。割截手足不起恚意。

**Sạn-đề-bà-la Tiên nhân thời. Cát tiệt thủ túc
bất khởi khuể ý.**

**Khi người Tiên Sạn Đề Bà La. Cắt đứt tay
chân không sinh ý thù hận.**

迦尸王時人民疫病。王受八關齋。

Ca-thi Vương thời, nhân dân dịch bệnh.

Vương thụ bát Quan-trai.

Khi làm Vua Ca Thi, nhân dân bị bệnh dịch.

Vua nhận lấy 8 Trai giới.

起大慈心念於眾生。人民病者皆悉除差。

**Khởi Đại Từ tâm niệm ư chúng sinh. Nhân
dân bệnh giả giai tất trừ sai.**

Sinh khởi tâm Đại Từ nhớ tới chúng sinh.

Nhân dân bị bệnh tất cả đều nhanh trừ hết.

毘婆浮爲解呪師時。人民疫病。

**Tì-bà-phù vị giải chú Sư thời. Nhân dân dịch
bệnh.**

**Khi Tì Bà Phù là Thầy giải bùa chú. Nhân
dân bị bệnh dịch.**

以身血肉持用解除與鬼噉之。人民眾病皆悉除差。

Dĩ thân huyết nhục trì dụng giải trừ dữ Quỷ đạch chi. Nhân dân chúng bệnh giai tất trừ sái.

Lấy máu thịt của thân đem cho Quỷ ăn dùng để giải trừ. Các bệnh của Nhân dân tất cả đều trừ diệt hết.

梵天王時。爲一偈故自剝身皮而用寫經。

Phạm-thiên Vương thời. Vị nhất kệ cố tự bác thân bì nhi dụng tả Kinh.

Khi làm Phạm Vương. Cố vì một câu kệ tự lột da thân mà dùng để viết Kinh.

毘楞竭梨王時。爲一偈故於其身上而啄千釘。

Tì-lăng Kiệt-lê Vương thời. Vị nhất kệ cố ư kỳ thân thượng nhi trác thiên đing.

Khi là Vua Tì Lăng Kiệt Lê. Cố vì một câu kệ ở trên thân mình mà đóng nghìn đing.

優多梨仙人時。爲一偈故剝身皮爲紙折骨爲筆血用和墨。

Ưu-đa-lê Tiên nhân thời. Vị nhất kệ cố bác thân bì vi chỉ, chiết cốt vi bút, huyết dụng hòa mặc.

Khi người Tiên Ưu Đa Lê. Vì một câu kệ lột da thân làm giấy, tách xương làm bút, máu dùng hòa mực.

跋彌王時。國中人民盡有瘡病。

Bạt-di Vương thời. Quốc trung nhân dân tận hữu sang bệnh.

Khi làm Vua Bạt Di. Trong nước nhân dân hết cả đều có bệnh nhọt độc.

王自行見毒樹。此毒樹葉墮於水中。

Vương tự hành kiến độc thụ. Thử độc thụ diệp đọa ư thủy trung.

Vua tự đi tìm cây độc. Lá của cây độc này rơi xuống ở trong nước.

人飲此水令人有病。即拔毒樹根株盡隨以火燒之。

Nhân ẩm thử thủy linh nhân hữu bệnh. Tức bạt độc thụ căn chu tận tùy dĩ hỏa thiêu chi. Người uống nước này làm cho người có bệnh. Tức thời rút bỏ cây độc, chém hết tận gốc, thuận theo lấy lửa đốt sạch.

人民瘡病半得除差。其中故有不差者。

Nhân dân sang bệnh bán đắc trừ sai. Kỳ trung cố hữu bất sai giả.

Nhân dân bị bệnh nhọt độc nửa phần được khỏi bệnh. Trong số đó do còn có người không khỏi.

王問醫言：眾生瘡病何以不差。醫答王言：

Vương vấn y ngôn : Chúng sinh sang bệnh hà dĩ bất sai. Y đáp Vương ngôn :

Vua hỏi thầy thuốc nói rằng : Bệnh nhọt độc của chúng sinh do cái gì mà không khỏi.

Thầy thuốc trả lời Vua nói rằng :

此瘡病重當得魚肉食之乃差。王聞其言。

Thử sang bệnh trọng, đương đắc ngư nhục thực chi nãi sai. Vương vấn kỳ ngôn.

Bệnh nhọt độc này nặng, cần được thịt của cá, ăn vào mới khỏi. Vua nghe lời nói của người đó.

即到水邊上樹求願作魚。今我以身除眾生病。

Tức đáo thủy biên thượng thụ cầu nguyện tác ngư. Kim Ngã dĩ thân trừ chúng sinh bệnh.

Tức thì đi tới bờ sông leo lên trên cây cầu nguyện làm cá. Nay Con lấy thân này trừ diệt bệnh của chúng sinh.

持此功德用求佛道。普除一切眾生無量身病意病。審如所願。

Trì thủ công Đức dụng cầu Phật đạo. Phổ trừ nhất thiết chúng sinh vô lượng thân bệnh ý bệnh. Thẩm như sở nguyện.

Dem công Đức này dùng để cầu Đạo Phật. Trừ diệt khắp cả vô lượng thân bệnh, ý bệnh của tất cả chúng sinh. Quả đúng như mong nguyện.

其有眾生食我肉者病盡除差。即從樹上投身水中。

Kỳ hữu chúng sinh thực Ngã nhục giả bệnh tận trừ sai. Tức tòng thụ thượng đầu thân thủy trung.

Nếu có chúng sinh ăn thịt của con, bệnh nhanh trừ hết. Tức thì từ trên cây thân đâm xuống nước.

便化成魚而有聲言。其有病者來取我肉噉病當除差。

Tiện hóa thành ngư nhi hữu thanh ngôn : Kỳ hữu bệnh giả lai thủ Ngã nhục đạm bệnh đương trừ sai.

**Liên hóa thành cá mà có âm thanh nói rằng :
Nếu người có bệnh tới bắt tôi ăn thịt, bệnh
sẽ nhanh khỏi.**

人民聞聲皆來取魚肉食之。病盡除愈。

**Nhân dân vẫn thanh giai lai thủ ngư nhục
thực chi. Bệnh tận trừ dữ.**

**Nhân dân nghe âm thanh đều tới bắt cá ăn
thịt. Trừ diệt nhanh hết bệnh.**

於是世尊自說前世宿行所作。結於誓願今皆得之。

**Ư thị Thế Tôn tự thuyết tiên thế túc hạnh sở
tác. Kết ư thệ nguyện kim giai đắc chi.**

**Khi đó Thế Tôn tự nói Hạnh Kiếp trước làm
được. Kết quả với thệ nguyện nay đều được
cả.**

今我以此正真之教。除去一切眾生災禍。

**Kim Ngã dĩ thủ Chính-chân chi giáo. Trừ khứ
nhất thiết chúng sinh tai họa.**

**Nay Ta dùng giáo lý Chân chính này. Trừ bỏ
tai họa của tất cả chúng sinh.**

時佛便自化身作兩頭。一頭看毘舍離國。

**Thời Phật tiện tự hóa thân tác lưỡng đầu.
Nhất đầu khán Tì-xá-ly quốc.**

Lúc đó Phật liền tự Hóa thân làm thành 2 đầu. Một đầu nhìn nước Tì Xá Ly

一頭看摩竭國。疫鬼盡去還於大海。

Nhất đầu khán Ma-kiệt quốc. Dịch Quỷ tận khứ hoàn ư đại hải.

Một đầu nhìn nước Ma Kiệt. Quỷ dịch chạy hết trở về biển lớn.

人民眾病皆悉除差。五穀豐熟人民安樂。以法廣化。

Nhân dân chúng bệnh giai tất trừ sái. Ngũ cốc phong thực nhân dân an lạc. Dĩ Pháp quảng hóa.

Các bệnh của nhân dân tất cả đều nhanh trừ diệt. Ngũ cốc dư thừa nhân dân yên vui.

Dùng Pháp giáo hóa rộng khắp.

并使意中諸欲之病悉得清淨立之於道。一切人民皆大歡喜。

Tinh sử ý trung chư dục chi bệnh tất đắc Thanh tịnh lập chi ư Đạo. Nhất thiết nhân dân giai đại hoan hỉ.

Kể cả trong ý sai khiến các bệnh ham Dục đều được Thanh tịnh, lập dựng ở trong Đạo. Tất cả nhân dân đều rất vui mừng.

於是諸比丘異口同音讚歎如來無量功德。甚奇甚特不可思議。

Ư thị chư Tì-kheo dị khẩu đồng âm tán thán Như Lai vô lượng công Đức. Thậm kì thậm đặc bất khả tư nghị.

Khi đó các Tì Kheo, khác người cùng âm thanh ca ngợi vô lượng công Đức của Như Lai. Rất kỳ lạ rất đặc biệt không thể nghĩ bàn.

佛告諸比丘！我不但今除眾生病飢渴之患。

Phật cáo chư Tì-kheo ! Ngã bất đãn kim trừ chúng sinh bệnh cơ khát chi hoạn.

Phật bảo các Tì Kheo ! Ta không chỉ ngày nay trừ diệt bệnh đói khát hoạn nạn của chúng sinh.

過去世時亦復如是。乃往過去無數世時。

Quá-khứ thế thời diệt phục như thị. Nãi vãng Quá-khứ vô số thế thời.

Thời đời Quá khứ cũng lại như thế. Trở lại vô số thời đời Quá khứ.

此閻浮提有大國王名曰梵天。

Thử Diêm-phù-đề hữu Đại Quốc-vương danh viết Phạm-thiên.

Diêm Phù Đề này có Đại Quốc Vương tên là Phạm Thiên.

典閻浮提八萬四千諸小國王。有二萬夫人嫫女一萬。
Diễn Diêm-phù-đề bát vạn tứ thiên chư tiểu Quốc-vương. Hữu nhị vạn phu nhân cung nữ nhất vạn.

Thống lĩnh 8 vạn 4 nghìn các Quốc Vương nhỏ của Diêm Phù Đề. Có 2 vạn phu nhân, 1 vạn cung nữ.

無有太子。

晝夜愁憂禱祠神祇梵天天帝摩訶霸梨天諸大神日月天地因乃得兒。

Vô hữu Thái-tử. Trú dạ sâu ưu đảo từ Thần kì Phạm-thiên Thiên-đế, Ma-ha phách-lê Thiên chư Đại Thần Nhật Nguyệt Thiên địa nhân nãi đắc nhi.

Không có Thái Tử. Đêm ngày lo buồn tế lễ cầu Thần, cầu Phạm Thiên Ngọc Hoàng, Trời Ma Ha Phách Lê các Thần lớn, mặt Trời mặt

Trăng, Trời đất, nhân do đó mới được con trai.

時子生皆端正殊好有大人相。名大自在天。

Thời tử sinh giai đoan chính thù hảo, hữu Đại-nhân tướng. Danh Đại Tự-tại Thiên.

Lúc con được sinh, đều đoan chính đặc biệt tốt đẹp, có tướng mạo của vĩ nhân. Tên là Đại Tự Tại Thiên.

爲人慈仁聰明智慧。

Vi nhân từ nhân thông minh Trí tuệ.

Là người nhân từ thông minh Trí tuệ.

世之典籍星宿變運日月博蝕。一切技術莫不通達。

Thế chi điển tịch Tinh-tú biến vận Nhật Nguyệt bác thực. Nhất thiết kĩ thuật mạc bất thông đạt.

Diễn tịch ở đời, biến vận của Tinh tú, thông suốt Nhật thực Nguyệt thực. Tất cả kĩ thuật hầu hết đều thông suốt.

復學醫術和合諸藥宣令國中諸有病者悉來詣我。

Phục học y thuật hòa hợp chư dược tuyên lệnh quốc trung chư hữu bệnh giả tất lai nghệ Ngã.

Lại học y thuật hòa hợp các loại thuốc, đọc lệnh ở trong nước Những người có bệnh đều đi tới chỗ Ta.

當給醫藥飲食占視。人民聞令諸有病者盡詣太子。

Đương cấp y dược ẩm thực chiêm thị. Nhân dân văn lệnh chư hữu bệnh giả tận nghệ Thái-tử.

Sẽ khám bệnh cấp thuốc bệnh đồ ăn uống. Nhân dân nghe lệnh, Những người có bệnh đều đến hết chỗ Thái Tử.

國中大小皆悉歡喜莫不歎德。

Quốc trung đại tiểu giai tất hoan hỉ mặc bất thán Đức.

Trong nước lớn nhỏ tất cả đều vui mừng, tất cả đều ca ngợi công Đức.

更不向餘醫輕慢餘醫。諸醫師輩盡皆瞋恚妬忌太子。

Cánh bất hướng dư y khinh mạn dư y. Chư y sư bối tận giai sân khuể đố kị Thái-tử.

Càng không hướng tới thầy thuốc khác, coi thường thầy thuốc khác. Các bậc thầy lương y tất cả đều thù hận đố kị với Thái Tử.

當于是時舉閻浮提人民疫病加復穀貴。

Đương vu thị thời cử Diêm-phù-đề nhân dân dịch bệnh gia phục cốc quý.

Vào thời đó nổi lên ở Diêm Phù Đề, nhân dân bị bệnh dịch, lại thêm lúa gạo đắt đỏ.

集諸醫藥不能令差。人民死者日日甚多。

Tập chư y dược bất năng linh sai. Nhân dân tử giả nhật nhật thậm đa.

Tập trung các thầy thuốc, không thể giúp cho khỏi. Nhân dân người chết hàng ngày rất nhiều.

王大愁憂命召諸醫問其方藥。

Vương đại sầu ưu lệnh triệu chư y, vấn kỳ phương dược.

Vua rất lo âu ra lệnh tập hợp các thầy thuốc, hỏi bài thuốc của họ.

時有一醫妬王太子者。心自念言：

今此太子是我怨家。

Thời hữu nhất y đố Vương Thái-tử giả. Tâm tự niệm ngôn : Kim thử Thái-tử thị Ngã oan gia.

Lúc đó có 1 thầy thuốc đổ kị với Thái Tử của Vua. Tâm tự suy nghĩ nói rằng : Nay Thái Tử này là oan gia của ta.

今乃得便。即白王言：更有一方試盡推覓。

Kim nãi đắc tiện. Tức bạch Vương ngôn : Cánh hữu nhất phương thí tận thối mịch.

Nay mới được Phương tiện. Tức thì báo cáo Vua nói rằng : Có thêm một cách thử tìm kiếm hết.

王便可之。即時便去明日乃還。前白王言：

Vương tiện khả chi. Tức thời tiện khứ minh nhật nãi hoàn. Tiên bạch Vương ngôn :

Vua liền đồng ý. Tức thời liền ra về ngày hôm sau mới trở lại. Tiến lên báo cáo Vua nói rằng :

推得一方。若使大王得服之者眾病必除。

Thôi đắc nhất phương. Nhược sử Đại-vương đắc phục chi giả, chúng bệnh tất trừ.

Tìm được một cách. Nếu Đại Vương làm theo, các bệnh nhất định diệt trừ.

王即告言：須何等藥便試說之。醫答王言：

Vương tức cáo ngôn : Tu hà đẳng dược, tiển thí thuyết chi. Y đáp Vương ngôn :

Vua tức thời bảo rằng : Cần các thuốc ra sao, thử nói ngay xem. Thầy thuốc trả lời Vua nói rằng :

當得從生以來仁慈愍眾生未曾起於瞋恚意者。

Đương đắc tòng sinh dĩ lai, nhân từ mẫn chúng sinh, vị tăng khởi ư sân khuể ý giả.

Cần có được người từ khi sinh tới nay, nhân từ thương xót chúng sinh, chưa từng sinh khởi ý thù hận tức giận.

當用其血和藥服之。得其兩眼用解遣鬼眾病乃差。

Đương dụng kỳ huyết hòa dược phục chi.

Đắc kỳ lưỡng nhãn dụng giải khiển Quỷ chúng bệnh nãi sai.

Sẽ lấy máu của họ hòa vào thuốc để uống.

Được hai mắt của họ dùng để tiêu trừ Quỷ, các bệnh mới khỏi.

王即答言：從生以來不起瞋恚。

Vương tức đáp ngôn : Tòng sinh dĩ lai bất khởi sân khuể.

Vua tức thời trả lời nói rằng : Từ khi sinh đến nay không sinh khởi thù hận tức giận.

此實難有此事甚難。不可得也。太子聞之白父王言：

Thử thực nan hữu thử sự thậm nan. Bất khả đắc dã. Thái-tử văn chi bạch Phụ-vương ngôn :

Điều này thực khó có, việc này rất khó. Cũng không thể có được. Thái Tử nghe xong báo cáo Vua cha nói rằng :

此事易耳不為難得。太子白王言：我是父王之子。

Thử sự dị nhĩ bất vi nan đắc. Thái-tử bạch Vương ngôn : Ngã thị Phụ-vương chi tử.

Việc này dễ thôi không phải là khó được.

Thái Tử báo cáo Vua nói rằng : Con là con trai của Vua cha.

我從生以來不曾恚瞋加害於人。常慈愍一切初無惡相。

Ngã tòng sinh dĩ lai bất tăng khuể sân gia hại ư nhân. Thường từ mẫn nhất thiết sơ vô ác tướng.

Con từ khi sinh đến nay chưa từng thù hận tức giận thêm làm hại người. Thường nhân từ

thương xót tất cả, đầu tiên không có hình tướng ác.

我身非常而無堅固。不久會亦當死。

Ngã thân phi thường nhi vô kiên cố. Bất cứu hội diệt đương tử.

Thân của con phi thường mà không có kiên cố. Tụ hội không lâu cũng sẽ chết.

唯願大王聽我為藥除眾生病。王便答言：我無子息。

Duy nguyện Đại-vương thính, Ngã vi dược trừ chúng sinh bệnh. Vương tiện đáp ngôn : Ngã vô tử tức.

Chỉ nguyện Đại Vương nghe theo, con làm thuốc uống trừ diệt các bệnh của chúng sinh. Vua liền trả lời nói rằng : Ta không có con cái.

禱祠諸天日月星辰四山五嶽。因乃得子。

Đào từ chư Thiên Nhật Nguyệt Tinh Thần Tứ-sơn Ngũ-nhạc. Nhân nãi đắc tử.

Cầu xin các Trời, mặt Trời, mặt Trăng, các Sao, 4 núi, 5 Đế nhạc. Nhân đó mới được con trai.

今寧亡身失國終不聽汝。太子便白父王言：

**Kim ninh vong thân thất quốc chung bất
thính Nhữ. Thái-tử tiện bạch Phụ-vương ngôn**

:

**Nay dù thân chết nước mất, cuối cùng không
nghe theo con. Thái Tử liền báo cáo Vua cha
nói rằng :**

我求佛道。今我以血施與眾生。

**Ngã cầu Phật Đạo. Kim Ngã dĩ huyết thí dĩ
chúng sinh.**

**Con cầu Đạo Phật. Con nay dùng máu ban
cho chúng sinh.**

持此功德佛諸經法盡當解了。我今以此肉眼施與眾生
。

**Trì thủ công Đức Phật chư Kinh Pháp tận
đương giải liễu. Ngã kim dĩ thủ nhục nhân thí
dĩ chúng sinh.**

**Dem công Đức này sẽ hiểu rõ hết Phật và
Kinh Pháp. Con nay dùng mắt thịt này ban
cho chúng sinh.**

以此功德當得如來智慧之眼。當爲一切而作正導。

Dĩ thử công Đức đương đắc Như Lai Trí tuệ chi nhân. Đương vị nhất thiết nhi tác Chính-đạo.

Dem công Đức này sẽ được mắt Trí tuệ của Như Lai. Sẽ vì tất cả mà làm Đạo đúng.

大王雖無太子故得爲王。若使國土無有人民。

Đại-vương tuy vô Thái-tử cố đắc vi Vương. Nhược sử quốc thổ vô hữu nhân dân.

Đại Vương tuy không có Thái Tử vẫn được làm Vua. Nếu đất nước không có nhân dân.

爲誰作王。使諸人民眾病悉除。

Vị thù tác Vương. Sử chư nhân dân chúng bệnh tất trừ.

Vì ai mà làm Vua. Nếu các bệnh của nhân dân đều trừ diệt.

亦使父王無有憂愁。王復悲泣答太子言：

Diệc sử Phụ-vương vô hữu ưu sầu. Vương phục bi khắp đáp Thái-tử ngôn：

Cũng giúp Vua cha không có lo âu. Vua lại Bi thương rơi lệ trả lời Thái Tử nói rằng：

今我寧棄國王位。可哀之子實不能捨。

Kim Ngã ninh khí Quốc-vương vị. Khả ai chi tử thực bất năng xả.

Ta nay dù mất ngôi vị Quốc Vương. Con rất đáng thương thực không thể buông bỏ.

於是太子長跪叉手白父王言：

Ư thị Thái-tử trường quy xoa thủ bạch Phụ-vương ngôn：

Khi đó Thái Tử quỳ lâu bắt chéo hai bàn tay báo cáo Vua cha nói rằng：

今我求於無上正真之道。若使愛惜臭穢之身。

Kim Ngã cầu ư Vô-thượng Chính-chân chi đạo. Nhược sử ái tích xú uế chi thân.

Con nay cầu Đạo Bình Đẳng Chân chính.

Nếu như yêu quý tiếc thân ô uế này.

云何得解如來智慧深妙之法？云何當得一切慧眼？

Vân hà đắc giải Như Lai Trí tuệ thâm diệu chi Pháp？Vân hà đương đắc nhất thiết Tuệ-nhân？

Làm sao hiểu được Trí tuệ Pháp thâm sâu vi diệu của Như Lai？Làm sao đang được tất cả mắt Trí tuệ？

唯願父王莫得却我無上道心。父王默然更無所說。

Duy nguyện Phụ-vương mặc đấng khước Ngã Vô-thượng Đạo tâm. Phụ-vương mặc nhiên cánh vô sở thuyết.

Chỉ xin Vua cha đừng chối bỏ tâm Đạo Bình Đẳng của con. Vua cha im lặng không nói thêm được nữa.

醫白王言：我試取血持用和藥與諸病人。

Y bạch Vương ngôn : Ngã thí thủ huyết trì dụng hòa dược dĩ chư bệnh nhân.

Thầy thuốc báo cáo Vua nói rằng : Thần thử lấy máu đem dùng hòa vào thuốc ban cho các người bệnh.

若便得差乃出其眼。若不差者不須出眼。

Nhược tiện đấng sai nãi xuất kỳ nhãn. Nhược bất sai giả bất tu xuất nhãn.

Nếu khỏi được mới lấy mắt đó. Nếu không khỏi không cần lấy mắt.

於是太子刺臂出血。作誓願言：

Ư thị Thái-tử thứ tý xuất huyết. Tác thệ nguyện ngôn :

Khi đó Thái Tử chích tay cho máu chảy ra. Làm thệ nguyện nói rằng :

我以此血除眾生病。持此功德用成無上正真之道。

**Ngã dĩ thử huyết trừ chúng sinh bệnh. Trì
thử công Đức dụng thành Vô-thượng Chính-
chân chi Đạo.**

**Con dùng máu này trừ diệt bệnh của chúng
sinh. Dem công Đức này sử dụng thành Đạo
Bình Đẳng Chân chính.**

審成佛者。一切眾生服此藥者。病當除差。

**Thẩm thành Phật giả. Nhất thiết chúng sinh
phục thử dược giả. Bệnh đương trừ sái.**

**Quả là thành Phật. Tất cả chúng sinh uống
thuốc này. Bệnh sẽ trừ diệt hết.**

便以血和藥與諸病人病皆除愈。醫便白王：

**Tiện dĩ huyết hòa dược dĩ chư bệnh nhân,
bệnh giai trừ dĩ. Y tiện bạch Vương：**

**Liên lấy máu hòa vào thuốc ban cho các
người bệnh, bệnh đều trừ diệt khỏi hết. Thầy
thuốc liền báo cáo Vua nói rằng：**

其有病人服此藥者皆悉除差。

**Kỳ hữu bệnh nhân phục thử dược giả giai tất
trừ sái.**

Nếu người có bệnh uống thuốc này, tất cả đều trừ diệt hết.

目前現事可不信也。時閻浮提八萬四千諸小王臣民。

Mục tiên hiện sự khả bất tín dã. Thời Diêm-phù-đề bát vạn tứ thiên chư Tiểu-vương thần dân.

Việc trước mắt hiện nay cũng có thể không tin. Lúc đó 8 vạn 4 nghìn các Vua nhỏ, thần dân của Diêm Phu Đề.

聞大王太子自出其眼愍救一切莫不悲泣。

Văn Đại-vương Thái-tử tự xuất kỳ nhãn miễn cứu nhất thiết mạc bất bi khắp.

Nghe Thái Tử của Đại Vương tự lấy mắt của mình, thương xót cứu giúp tất cả, hết thảy đều Bi thương rơi lệ.

皆悉來集長跪叉手白太子言：唯願大王太子。

Giai tất lai tập trường quy xoa thủ bạch Thái-tử ngôn : Duy nguyện Đại-vương Thái-tử.

Tất cả đều tới tập trung quỳ lâu bắt chéo hai bàn tay báo cáo Thái Tử nói rằng : Chỉ mong Thái Tử của Đại Vương.

我曹寧自放捨身命。不使太子毀其眼目。

Ngã tào ninh tự phóng xả thân mệnh. Bất sử Thái-tử hủy kỳ nhãn mục.

Chúng tôi dù tự buông bỏ thân mệnh. Không khiến cho Thái Tử hủy hoại mắt của Ngài.

汝之慈愍一切眾生不久成佛。

Nhữ chi Từ mẫn nhất thiết chúng sinh bất cứu thành Phật.

Ngài tâm từ thương xót tất cả chúng sinh, không lâu thành Phật.

願莫自毀壞其眼目。於是太子諫謝諸王臣民。

Nguyên mạc tự hủy hoại kỳ nhãn mục. Ư thị Thái-tử gián tạ chư Vương thần dân.

Xin đừng hủy hoại mắt của Ngài. Khi đó Thái Tử can gián cảm tạ các Vua thần dân.

今我以此血肉之眼除眾生病。持此功德用求佛道。

Kim Ngã dĩ thử huyết nhục chi nhãn trừ chúng sinh bệnh. Trì thử công Đức dụng cầu Phật đạo.

Ta nay đem máu thịt của mắt này, trừ diệt bệnh của chúng sinh. Đem công Đức này dùng để cầu Đạo Phật.

我成佛時當除汝等身病意病。莫得却我無上道心。

Ngã thành Phật thời đương trừ Nhữ đẳng thân bệnh ý bệnh. Mạc đắc khước Ngã Vô-thượng Đạo tâm.

Ta khi thành Phật, sẽ trừ diệt thân bệnh, ý bệnh của các người. Đừng chối bỏ tâm Đạo Bình Đẳng của Ta.

爾時諸王一切臣民。

聞是語已默然而住。於是太子便勅左右。

Nhĩ thời chư Vương nhất thiết thân dân. Văn thị ngữ dĩ mặc nhiên nhi trụ. Ư thị Thái-tử tiện sắc tả hữu.

Khi đó các Vua tất cả thân dân. Nghe lời nói đó xong im lặng mà lưu luyến. Khi đó Thái Tử liền ra lệnh cho cận vệ.

設施解具欲挑其眼。語左右人言。誰能挑我眼者。

Thiết thí giải cụ dục thiêu kỳ nhãn. Ngữ tả hữu nhân ngôn : Thùy năng thiêu Ngã nhãn giả.

Lấy các công cụ cần thiết, muốn lấy mắt của mình. Bảo người cận vệ nói rằng : Ai có thể lấy mắt của Ta.

左右人民皆辭不能。時醫妬太子者答言：我能。

Tả hữu nhân dân giai từ bất năng. Thời y đồ Thái-tử giả đáp ngôn : Ngã năng.

Cận vệ nhân dân đều từ chối không có thể. Lúc đó thầy thuốc đồ kị Thái Tử trả lời nói rằng : Thần có thể.

太子歡喜報言：甚快。持刀授之語醫者言：

Thái-tử hoan hỉ báo ngôn thậm khoái. Trì đao thụ chi ngữ y giả ngôn :

Thái Tử vui mừng trả lời nói rằng : Rất tốt.

Cầm dao đưa cho, bảo người thầy thuốc nói rằng :

挑眼著我掌中。便挑一眼著太子掌中。

Thiên nhãn trước Ngã chưởng trung. Tiệ thiên nhất nhãn trước Thái-tử chưởng trung.

Lấy mắt để trên lòng bàn tay của Ta. Liên lấy 1 mắt để trên lòng bàn tay của Thái Tử.

於是太子便立誓言：今我以此肉眼施與眾生。

Ư thị Thái-tử tiệ lập thệ ngôn : Kim Ngã dĩ thử nhục nhãn thí dữ chúng sinh.

Khi đó Thái Tử liền lập thệ nguyện nói rằng : Con nay dùng mắt thịt này ban cho chúng sinh.

Bồ Tát Bản Hạnh Kinh

不求轉輪聖王不求魔王。不求梵王色聲香味細滑之樂

。

Bất cầu Chuyển-luân Thánh-vương, bất cầu Ma-vương. Bất cầu Phạm-vương, sắc thanh hương vị tế hoạt chi lạc.

Không cầu làm Chuyển luân Thánh Vương, không cầu làm cầu Ma Vương. Không cầu làm Phạm Vương, vui sướng thấm đẫm Sắc Thanh Hương Vị.

持此功德用求無上正真之道。使我得成一切智眼。

Trì thủ công Đức dụng cầu Vô-thượng Chính-chân chi Đạo. Sử Ngã đắc thành nhất thiết Trí nhãn.

Đem công Đức này dùng để cầu Đạo Bình Đẳng Chân Chính. Giúp cho con được thành mắt của tất cả Trí tuệ.

普為十方無量眾生作大醫王。除去一切眾生身病意病

。

Phổ vị thập phương vô lượng chúng sinh tác đại Y-vương. Trừ khử nhất thiết chúng sinh Thân-bệnh Ý-bệnh.

Vì khắp cả vô lượng chúng sinh 10 phương là Vua Lương y lớn. Trừ bỏ Thân bệnh, Ý bệnh của tất cả chúng sinh.

施眾生智慧之眼。作是語已即便持眼著於案上。

Thí chúng sinh Trí-tuệ chi nhãn. Tác thị ngữ dĩ tức tiện trì nhãn trước ư án thượng.

Ban cho chúng sinh mắt Trí tuệ. Làm lời nói đó xong tức thì liền đem mắt để trên bàn.

審如我心所願者。一切眾生病皆除愈。

Thẩm như Ngã tâm sở nguyện giả. Nhất thiết chúng sinh bệnh giai trừ dĩ.

Quả đúng như tâm nguyện của con. Bệnh của tất cả chúng sinh đều trừ diệt nhanh khỏi.

父母見之即便悶絕良久乃蘇。諸王臣民舉聲啼哭。

Phụ mẫu kiến chi tức tiện muộn tuyệt lương cứu nãi tô. Chư Vương thần dân cử thanh đê khốc.

Cha mẹ nhìn thấy tức thì liền ngất xỉu, rất lâu mới tỉnh lại. Các Vua thần dân cao giọng khóc lớn.

動於天地宛轉自撲。或有迷悶絕者。

Động ư Thiên địa uyển chuyển tự phác.

Hoặc hữu mê muộn tuyệt giả.

Chấn động Trời đất tự Ngã lăn quay. Hoặc có người mê man ngất xỉu.

適欲舉刀更挑一眼。應時三千大千世界爲大震動。

Thích dục cử đao cánh thiêu nhất nhãn. Ứng thời Tam-thiên Đại-thiên Thế-giới vi đại chấn động.

Đang lúc muốn đưa dao lấy thêm một mắt.

Lập tức Ba nghìn Đại thiên Thế giới bị chấn động lớn.

三界諸天皆悉來下。見於菩薩爲眾生故。

Tam-giới chư Thiên, giai tất lai hạ. Kiến ư Bồ-tát vị chúng sinh cố.

Các Trời của 3 Cõi giới, tất cả đều hạ xuống.

Nhìn thấy Bồ Tát cố vì chúng sinh.

自挑其眼而血流出。無數諸天皆悉悲泣淚如盛雨。

Tự thiêu kỳ nhãn nhi huyết lưu xuất. Vô số chư Thiên giai tất bi khắp lệ như thịnh vũ.

Tự lấy mắt của mình mà dòng máu chảy ra.

Vô số các Trời tất cả đều Bi thương rơi lệ như mưa lớn.

時天帝釋到太子前問太子言：

**Thời Thiên Đế-thích đáo Thái-tử tiên vấn
Thái-tử ngôn：**

**Lúc đó Ngọc Hoàng Đế Thích tới trước Thái
Tử, hỏi Thái Tử nói rằng：**

汝今慈愍爲眾生故。不惜身命出其肉眼。

**Nhữ kim Tử mẫn vị chúng sinh cố. Bất tích
thân mệnh xuất kỳ nhục nhãn.**

**Ngài nay do từ tâm thương xót chúng sinh.
Không tiếc thân mệnh lấy ra mắt thịt của
Ngài.**

如是勤苦實爲甚難。所作功德欲求何等？

**Như thị cần khổ thực vi thậm nan. Sở tác
công Đức dục cầu hà đẳng？**

**Cần khổ như thế thực là rất khó. Làm được
công Đức muốn cầu cái gì？**

求轉輪王天帝魔王梵天。王子求何等願耶。

**Cầu Chuyển-luân Vương Thiên-đế Ma-vương
Phạm-thiên. Vương-tử cầu hà đẳng nguyện
da.**

Câu làm Chuyển luân Vương, Ngọc Hoàng, Ma Vương, Phạm Thiên. Vương Tử cầu nguyện cái gì đây.

太子答言：不求聖王天帝魔王梵天王也。

Thái-tử đáp ngôn : Bất cầu Thánh Vương Thiên-đế Ma-vương Phạm-thiên Vương dã.

Thái Tử trả lời nói rằng : Cũng không cầu làm Thánh Vương, Ngọc Hoàng, Ma Vương, Phạm Thiên.

不求三界色聲香味細滑之樂。持此功德用求無上正真之道。

Bất cầu Tam-giới Sắc-thanh-hương-vị tế hoạt chi lạc. Trì thủ công Đức dụng cầu Vô-thượng Chính-chân chi Đạo.

Không cầu vui sướng thấm đắm Sắc Thanh Hương Vị của 3 Cõi giới. Dem công Đức này dùng để cầu Đạo Bình Đẳng Chân chính.

爲十方一切眾生作大醫王。

Vị thập phương nhất thiết chúng sinh tác đại Y-vương.

Vì tất cả chúng sinh 10 phương làm Vua Lương y lớn.

普除一切眾生身病意病。施與眾生智慧之眼。

Phổ trừ nhất thiết chúng sinh Thân-bệnh Ý-bệnh. Thí dữ chúng sinh Trí tuệ chi nhãn. Trừ diệt Thân bệnh, Ý bệnh của tất cả chúng sinh khắp nơi. Ban cho chúng sinh mắt Trí tuệ.

普離生死一切諸患。時天帝釋一切諸天讚言：

Phổ ly sinh tử nhất thiết chư hoạn. Thời Thiên-đế-thích nhất thiết chư Thiên tán ngôn
:

Rời bỏ sinh chết, tất cả các hoạn nạn khắp nơi. Lúc đó Ngọc Hoàng, tất cả các Trời ca ngợi nói rằng :

善哉，善哉！甚快難及如汝所願成佛不久。

Thiện tai, thiện tai ! Thậm khoái nan cập, như Nhữ sở nguyện thành Phật bất cửu.

Thiện thay, thiện thay ! Rất vui khó theo kịp, như mong nguyện của Ngài không lâu thành Phật.

時天帝釋即取其眼。還用持著太子眼中。

Thời Thiên-đế-thích tức thủ kỳ nhãn. Hoàn dụng trì trước Thái-tử nhãn trung.

Khi đó Ngọc Hoàng tức thời cầm lấy mắt đó. Dùng để đem đặt trở lại vào trong mắt của Thái Tử.

於時太子眼即平復。絕更明好踰倍於前。

Ở thời Thái-tử nhãn tức bình phục. Tuyệt cánh minh hảo du bội ư tiên.

Khi đó mắt của Thái Tử tức thì bình phục. Còn thêm sáng đẹp bội phần so với trước.

無量諸天即以天花而散其上莫不歡喜。

Vô lượng chư Thiên tức dĩ Thiên-hoa nhi tán kỳ thượng mạc bất hoan hỉ.

Vô lượng các Trời tức thì dùng hoa Cõi Trời mà rắc lên trên, tất cả đều rất vui mừng.

父王及母夫人嫜女諸王臣民。皆大歡喜踊躍無量。

Phụ-vương cập mẫu phu nhân cung nữ chư Vương thần dân. Giai đại hoan hỉ dũng dực vô lượng.

Vua cha cùng với mẹ, phu nhân cung nữ, các Vua thần dân. Đều rất vui mừng dũng mãnh vô lượng.

時天帝釋敕比婆芴(丹啞)摩大將軍。

**Thời Thiên-đế-thích sắc Tì-bà-cầm-(đan âm)
ma Đại Tướng-quân.**

**Khi đó Ngọc Hoàng ra lệnh cho Đại Tướng
quân Tì Bà Cầm Ma.**

逐諸疫鬼盡還大海。一切病者皆悉除愈。

**Trục chư dịch quỷ tận hoàn đại hải. Nhất
thiết bệnh giả giai tất trừ dữ.**

**Đuổi các Quỷ dịch trở về hết biển lớn. Tất cả
bệnh dịch, hết thủy đều trừ diệt nhanh khỏi.**

天帝便雨種種飲食。次雨穀米，次雨衣服，
次雨七寶。

**Thiên-đế tiện vũ chủng chủng ẩm thực. Thứ
vũ cốc mễ, thứ vũ y phục, thứ vũ thất bảo.**

**Ngọc Hoàng liền mưa xuống đủ loại đồ ăn
uống. Tiếp theo mưa lúa gạo, tiếp theo mưa
quần áo, sau cùng mưa 7 vật báu.**

一切眾生病盡除差。皆悉飽滿無飢渴者。

**Nhất thiết chúng sinh bệnh tận trừ sai. Giai
tất bão mãn vô cơ khát giả.**

**Bệnh của tất cả chúng sinh trừ diệt hết. Tất
cả đều no đủ không có người đói khát.**

人民歡喜國遂興隆。却後數年父王命終。

**Nhân dân hoan hỉ quốc toại hưng long.
Khước hậu số niên Phụ-vương mệnh chung.
Nhân dân vui mừng đất nước hưng vượng.
Sau một số năm Vua cha bỏ mệnh.**

便登王位坐於正殿七寶自至。

**Tiền đăng Vương vị tọa ư Chính điện thất
bảo tự chí.**

**Liên lên làm Vua ngòì ở giữa điện bảy vật
báu tự tới.**

爲轉輪王主四天下莫不蒙慶。所作功德現世獲之。

**Vi Chuyển-luân Vương chủ tứ Thiên-hạ, mạc
bất mônɡ khánh. Sở tác công Đức hiện thế
hoạch chi.**

**Làm Chuyển luân Vương chủ 4 Thiên-hạ, tất
cả đều được vui vẻ. Làm được công Đức đời
hiện tại thu hoạch.**

佛告諸比丘！爾時太子大自在天者則我身是。

**Phật cáo chư Tì-kheo ! Nhĩ thời Thái-tử Đại
Tự-tại Thiên giả tắc Ngã thân thị.**

**Phật bảo các Tì Kheo ! Thời đó Thái Tử Đại
Tự Tại Thiên chắc là thân Ta.**

爾時父王梵天者則今父王白淨是。

**Nhĩ thời Phụ-vương Phạm-thiên giả tắc kim
Phụ-vương Bạch-tịnh thị.**

**Phụ Vương Phạm Thiên thời đó, chắc là Phụ
Vương Bạch Tịnh hiện nay.**

爾時母者今我母摩耶是。爾時醫挑我眼者今調達是。

**Nhĩ thời Mẫu giả kim Ngã mẫu Ma-da thị. Nhĩ
thời y thiêu Ngã nhãn giả kim Điều-đạt thị.**

**Mẹ thời đó nay chính là Mẹ Ma Da của Ta.
Thời đó Thầy thuốc lấy mắt của Ta nay là
Điều Đạt.**

爾時閻浮提人民者今毘舍離國摩竭國人民是。

**Nhĩ thời Diêm-phù-đề nhân dân giả kim Tì-
xá-ly quốc Ma-kiệt quốc nhân dân thị.**

**Thời đó nhân dân của Diêm Phù Đề, nay là
nhân dân của nước Ma Kiệt và nước Tì Xá
Ly.**

而我爾時亦除其病飢渴之困。我今亦復除去眾生身病
意病。

**Nhi Ngã nhĩ thời diệc trừ kỳ bệnh cơ khát chi
khốn. Ngã kim diệc phục trừ khứ chúng sinh
Thân-bệnh, Ý-bệnh.**

**Mà Ta thời đó cũng diệt trừ bệnh đói khát
khốn khổ của họ. Ta ngày nay cũng lại trừ
bỏ Thân bệnh ,Ý bệnh của chúng sinh.**

亦使眾生普得慧眼立於道證。菩薩行檀波羅蜜勤苦如是。

**Diệt sử chúng sinh phổ đắc Tuệ-nhãn lập ư
Đạo-chứng. Bồ-tát hành Đàn Ba-la-mật cần
khổ như thị.**

**Cũng lại giúp chúng sinh khắp cả được mắt
Trí tuệ, lập dựng tới chúng nghiệm Đạo. Bồ
Tát thực hành Bồ thí Tới Niết Bàn cần khổ
như thế.**

時諸比丘聞佛所說。皆大歡喜爲佛作禮。

**Thời chư Tì-kheo văn Phật sở thuyết. Giai
đại hoan hỉ vị Phật tác lễ.**

**Lúc đó các Tì Kheo nghe được Phật nói. Đều
rất vui vẻ vì Phật làm lễ.**

聞如是。一時佛在舍衛國祇樹給孤獨園。

Văn như thị. Nhất thời Phật tại Xá-Vệ quốc Kì-Thụ Cấp-Cô-Độc viên.

Nghe như thế. Một thời Phật ở tại vườn Kì Thụ Cấp Cô Độc nước Xá Vệ.

佛與千二百五十沙門俱。欲入城分衛。其佛欲入城之時。

Phật dữ thiên nhị bách ngũ thập Sa-môn câu. Dục nhập thành phần vệ. Kỳ Phật dục nhập thành chi thời.

Phật cùng với 1 nghìn 250 Sa Môn tham dự. Muốn đi vào thành làm việc Phật. Nếu Phật khi muốn đi vào thành.

五百天人先放香風吹於道路。及諸里巷悉令清淨。

Ngũ bách Thiên Nhân tiên phóng hương, phong xuy ư đạo lộ. Cập chư lý hạng, tất linh Thanh tịnh.

500 người Trời trước tiên thả hương thơm, gió thổi đường đi. Cùng với làng mạc ngõ ngách, đều làm cho Thanh tịnh.

不淨瑕穢糞除臭處自然入地。悉令道路淨潔。

Bất tịnh hà uế phẩn trừ, xú xú tự nhiên nhập địa. Tất linh đạo lộ tịnh khiết.

Trừ bỏ phân ô uế không sạch, nơi hôi hám tự nhiên chui xuống đất. Đều làm cho đường xá sạch tinh khiết.

五百天人雨於香汁。道路街巷悉令潤澤而散天花。

Ngũ bách Thiên nhân vũ ư hương trấp. Đạo lộ nhai hạng tất linh nhuận trạch nhi tán Thiên-hoa.

500 người Trời tưới nước hoa. Đường xá ngõ ngách đều làm cho thấm đẫm mà rắc hoa Côi Trời.

國王臣民見其瑞應。知佛當來悉捨所好諸事緣務。

Quốc Vương thân dân kiến kỳ thụy ứng. Tri Phật đương lai, tất xả sở hảo chư sự duyên vụ.

Quốc Vương thân dân nhìn thấy điềm báo ứng đó. Biết Phật sẽ tới, đều buông bỏ các việc, duyên vụ được sự tốt đẹp.

皆悉馳走來迎世尊。人民見佛中有掃地者。

Giai tất trì tẩu lai nghênh Thế Tôn. Nhân dân kiến Phật trung hữu tảo địa giả.

Tất cả đều chạy nhanh tới nghênh đón Thế Tôn. Nhân dân nhìn thấy Phật, trong đó có người quét đất.

散花者，燒香者，持衣布地者。

Tán hoa giả, thiêu hương giả, trì y bố địa giả. Rắc hoa, đốt hương, cầm áo rải lên đất.

中有解髮布地欲令佛踏上而過者。

Trung hữu giải phát bố địa dục linh Phật đạp thượng nhi quá giả.

Trong đó có người xõa tóc lên trên đất muốn làm cho Phật đạp lên mà đi qua.

以身投地四布令佛踏上者。有持幡蓋者，有作伎樂者。

Dĩ thân đầu địa tứ bố linh Phật đạp thượng giả. Hữu trì phan cái giả, hữu tác kĩ nhạc giả. Lấy thân nằm trên đất 4 tiền làm cho Phật đạp lên. Có người cầm cờ lọng, có người làm kĩ nhạc.

一心叉手以清淨意而視佛。

Nhất tâm xoa thủ dĩ Thanh tịnh ý nhi thị Phật.

Nhất tâm bắt chéo bàn tay dùng ý Thanh tịnh mà nhìn Phật.

一切眾生各各種種恭敬世尊。時有一婆羅門至為貧窮。

Nhất thiết chúng sinh các các chũng chũng cung kính Thế Tôn. Thời hữu nhất Bà-la-môn chí vi bản cùng.

Tất cả chúng sinh từng người đủ loại, cung kính Thế Tôn. Khi đó có 1 Bà La Môn tới, là người bản cùng.

無有花香供養之調。用自慚恥更無餘計。

Vô hữu hoa hương cúng dưỡng chi điều.

Dụng tự tà tâm sỉ cánh vô dư kế.

Thay vì không có hương hoa cúng dưỡng. Sử dụng tự hổ thẹn càng không có cách khác.

唯當一心淨意視佛。即便恭肅敬意。

Duy đương nhất tâm Tịnh-ý thị Phật. Tức tiển cung túc kính ý.

Chỉ cần nhất tâm ý Thanh tịnh nhìn Phật.

Tức thời liền vội kính cẩn ý cung kính.

以踊躍心叉手而住視於如來。以偈歎佛而說頌曰：

Dĩ dũng dược tâm xoa thủ nhi trụ thị ư Như Lai. Dĩ kê thán Phật nhi thuyết tụng viết :

Dùng tâm dũng mãnh đan chéo hai bàn tay mà ở lại nhìn Như Lai. Dùng bài kệ ca ngợi Phật, mà đọc bài tụng là :

表容紫金耀 三十二相明

Biểu dung tử kim diệu. Tam thập nhị Tướng minh.

Dung nhan sáng vàng tía. Ba mươi hai Tướng sáng.

一切眾生類 覩者莫不歡

Nhất thiết chúng sinh loại. Đồ giả mặc bất hoan.

Tất cả các chúng sinh. Nhìn thấy đều vui mừng.

見佛心踊躍 憂愁皆銷除

Kiến Phật tâm dũng dược. Ưu sầu giai tiêu trừ.

Gặp Phật tâm dũng mãnh. Lo âu đều tiêu trừ.

永度生死海 稽首禮大安

Vĩnh độ sinh tử hải. Khể thủ lễ Đại-an.

Vĩnh qua biển sinh chết. Phục đất lễ Yên lớn.

爾時世尊欣然而笑。

Nhĩ thời Thế Tôn hân nhiên nhi tiếu.

Khi đó Thế Tôn bỗng nhiên vui vẻ và mỉm cười.

五色光從口中出有千百奇。一一光頭出無數明。

Ngũ sắc quang tòng khẩu trung xuất hữu thiên bách kì. Nhất nhất Quang đầu xuất vô số minh.

Ánh Quang 5 sắc bay ra từ trong miệng, có trăm nghìn kì lạ. Đầu mỗi một Quang phát ra vô số ánh sáng.

一一光端有七寶蓮花。一一花上皆有化佛遍照十方。

Nhất nhất quang đoan hữu thất bảo Liên-hoa. Nhất nhất hoa thượng giai hữu Hóa-Phật biến chiếu thập phương.

Từng ánh Quang đoan nghiêm có hoa Sen bằng 7 vật báu. Trên mỗi hoa đều có Hóa Phật biến ra chiếu 10 phương.

下至諸大地獄。上至三十三天。

Hạ chí chư đại Địa-ngục. Thượng chí Tam thập tam Thiên.

Thấp xuống tới các Địa ngục lớn. Cao lên tới 33 tầng Trời.

遍照五道幽冥之處。極佛境界莫不大明。

Biển chiếu Ngũ-đạo u minh chi xứ. Cực Phật cảnh giới mạc bất đại minh.

Biển ra chiếu soi 5 Đạo nơi u tối. Cảnh giới Phật cao nhất, tất cả đều sáng lớn.

三千世界諸天人民。見佛光明莫不踊躍。

Tam-thiên Thế-giới chư Thiên Nhân dân.

Kiến Phật Quang-minh mạc bất dũng dục.

Nhân dân của Ba nghìn Đại thiên Thế giới.

Nhìn thấy Quang sáng của Phật, tất cả đều dũng mãnh.

各離宮殿捨其所樂。咸至佛所聽說經法而得度者。

Các ly cung điện xả kỳ sở lạc. Hàm chí Phật sở thính thuyết Kinh Pháp nhi đắc độ giả.

Họ rời cung điện buông bỏ các vui sướng của họ. Tất cả tới nơi Phật ở nghe nói Kinh Pháp mà được độ thoát.

見其光明而得度者。或聞化佛所說經法而得度者。

Kiến kỳ Quang-minh nhi đắc độ giả. Hoặc văn hóa Phật sở thuyết Kinh Pháp nhi đắc độ giả.

Nhìn thấy Quang sáng đó mà được độ thoát. Hoặc nghe được Hóa Phật nói Kinh Pháp mà được độ thoát.

或有尋光來至佛所而得度者。

Hoặc hữu tâm quang lai chí Phật sở nhi đắc độ giả.

Hoặc men theo ánh Quang tới nơi Phật ở mà được độ thoát.

無量地獄拷治之處悉得休息。壽終之後盡得生天。

Vô lượng Địa-ngục khảo trì chi xứ, tất đắc hựu tức. Thọ chung chi hậu, tận đắc sinh Thiên.

Nơi tra khảo cai trị của vô lượng Địa ngục, đều được ngừng nghỉ. Sau khi bỏ mệnh, tất cả đều sinh lên Trời.

一切畜生禽獸之處善心自生。

Nhất thiết Súc-sinh cầm thú chi xứ, thiện tâm tự sinh.

Nơi ở của tất cả Súc sinh cầm thú, tâm thiện tự sinh.

慈心相向不相傷害。壽終之後亦得生天。

Từ tâm tương hướng, bất tương thương hại.

Thọ chung chi hậu diệt đắc sinh Thiên.

Tâm Từ cùng hướng tới không cùng tổn thương sát hại. Sau khi bỏ mệnh cũng được sinh lên Trời.

餓鬼之中都悉自然得百味食。無有飢渴之想。

Nga-quỷ chi trung đô tất tự nhiên đắc bách

vị thực. Vô hữu cơ khát chi tưởng.

Ở trong Quỷ đói, tất cả đều tự nhiên được

thức ăn trăm vị. Không có tưởng nhớ đói

khát.

歡喜踊躍無復慳心。壽終之後盡得生天。

Hoan hỉ dũng dục vô phục xan tâm. Thọ

chung chi hậu tận đắc sinh Thiên.

Vui mừng dũng mãnh, không trở lại tâm

tham tiếc. Sau khi bỏ mệnh, tất cả được sinh

lên Trời.

無量眾生盲者得視。聾者得聽。瘖者能語。僂者得伸

Vô lượng chúng sinh mạnh giả đắc thị. Lung giả đắc thính. Á giả năng ngữ. Lũ giả đắc thân.

Vô lượng chúng sinh mù được nhìn thấy. Người điếc được nghe thấy. Người câm có thể nói được. Người lưng gù được duỗi thẳng.

拘蹙能行。癯殘百病皆悉除愈。

Câu tích năng hành. Lung tàn bách bệnh, giai tất trừ dữ.

Người liệt chân có thể đi được. Gù lưng tàn tật trăm bệnh, tất cả đều trừ diệt nhanh khỏi.

牢獄繫閉悉皆放解。當爾之時大千世界諸天人民。

Lao ngục hệ bế tất giai phóng giải. Đương nhĩ chi thời Đại-thiên Thế-giới chư Thiên Nhân dân.

Giam cầm trong lao ngục, tất cả đều giải phóng. Đúng lúc đó nhân dân, các Trời của Đại thiên Thế giới.

一切大眾莫不歡喜。心皆清淨無復三垢。

Nhất thiết Đại chúng mạc bất hoan hỉ. Tâm giai Thanh-tịnh vô phục Tam-cấu.

**Tất cả Đại chúng hết thảy đều vui mừng.
Tâm đều Thanh tịnh không trở lại Tham lam,
Thù hận, Ngu si.**

其中或有得生天者。得道迹者，往來者，不還者。

**Kỳ trung hoặc hữu đắc sinh Thiên giả. Đắc
Đạo tích giả, vãng lai giả, Bất-hoàn giả.**

**Trong đó hoặc có người được sinh lên Trời.
Được dấu tích của Đạo, qua lại, Không trở
về.**

得羅漢者，得辟支佛道者。有發無上正真道意者。

Đắc La-hán giả, đắc Bích Chi Phật đạo giả.

Hữu phát Vô-thượng Chính-chân đạo ý giả.

Được quả La Hán, được Đạo Bích Chi Phật.

Có người phát ý Đạo Bình Đẳng Chân chính.

或有堅住不退轉者。各各如是不可稱計。

**Hoặc hữu kiên trụ Bất-thoái-chuyển giả. Các
các như thị bất khả xưng kế.**

Hoặc có người kiên cố ở bậc Không thoái lui.

Từng người như thế không thể đọc đếm.

世尊光明照十方已。還遶身三匝從眉間入。

Thế Tôn Quang-minh chiếu thập phương dĩ.

Hoàn nhiều thân tam tạp tòng my gian nhập.

Quang sáng của Thế Tôn chiếu soi 10 phương xong. Trở về vòng quanh thân 3 lượt nhập vào giữa mi.

於是阿難更整衣服。長跪叉手前白佛言：

Ư thị A-nan cánh chĩnh y phục. Trường quy xoa thủ tiên bạch Phật ngôn :

Khi đó A Nan mới chĩnh sửa quần áo. Quỳ lâu đan chéo hai bàn tay, tiến lên báo cáo Phật nói rằng :

世尊今笑必有所因。唯願說之！佛告阿難！

Thế Tôn kim tiếu tất hữu sở nhân. Duy nguyện thuyết chi ! Phật cáo A-nan !

Thế Tôn hôm nay mỉm cười, nhất định có nguyên do. Chỉ mong Phật nói thôi ! Phật bảo A Nan !

見此婆羅門不？阿難對曰：唯然已見。

**Kiến thử Bà-la-môn phủ ? A-nan đối viết :
Duy nhiên dĩ kiến.**

Nhìn thấy Bà La Môn này chứ ? A Nan trả lời là : Tất nhiên đã nhìn thấy.

佛告阿難！此婆羅門以清淨心一偈歎佛。

Phật cáo A-nan ! Thử Bà-la-môn dĩ Thanh tịnh tâm nhất kệ tán Phật.

Phật bảo A Nan ! Bà La Môn này dùng tâm Thanh tịnh, một bài kệ ca ngợi Phật.

從是以後十三劫中。天上人中封授自然。

Tòng thị dĩ hậu thập tam Kiếp trung. Thiên thượng nhân trung phong thụ tự nhiên.

Từ đó về sau trong 13 Kiếp. Ở trong số người trên Trời phong ấp trao cho nhau tự nhiên.

常得端正言辭辯慧人所讚歎。不墮三塗八難之處。

Thường đắc đoan chính ngôn từ biện tuệ nhân sở tán tán. Bất đọa Tam-đồ bát nạn chi xứ.

Thường được đoan chính, lời nói Trí tuệ hùng biện, được người ca ngợi. Không đọa xuống Địa ngục Quỷ đói Súc sinh, nơi của 8 nạn ách.

却後皆當成辟支佛。名曰歡悅。

Khước hậu giai đương thành Bích Chi Phật. Danh viết Hoan-duyệt.

Về sau đều sẽ thành Bích Chi Phật. Tên là Hoan Duyệt.

一切眾會聞佛所說。皆悉歡喜歌歎佛德。阿難白佛言：
**Nhất thiết chúng hội văn Phật sở thuyết. Giai
tất hoan hỉ ca tán Phật-đức. A-nan bạch
Phật ngôn :**

**Tất cả chúng hội nghe được Phật nói. Tất cả
đều vui mừng ca ngợi công Đức của Phật. A
Nan báo cáo Phật nói rằng :**

如來功德不可思議。此婆羅門一偈歎佛。

**Như Lai công Đức bất khả tư nghị. Thử Bà-la-
môn nhất kệ tán Phật.**

**Công Đức của Như Lai không thể nghĩ bàn.
Một bài kệ ca ngợi Phật của Bà La Môn này.**

所得功德不可限量。快乃如是。佛告阿難！

**Sở đắc công Đức bất khả hạn lượng. Khoái
nãi như thị. Phật cáo A-nan !**

**Có được công Đức không thể hạn lượng. Vui
sướng như thế. Phật bảo A Nan !**

此婆羅門非但今日而讚歎我而得善利。

**Thử Bà-la-môn phi đãn kim nhật nhi tán tán
Ngã nhi đắc thiện lợi.**

**Bà La Môn này không phải chỉ hôm nay mà
ca ngợi Ta và được lợi thiện.**

乃往過去世。波羅奈國王名婆摩達多。

Nãi vãng Quá-khứ thế. Ba-la-nại Quốc-vương danh Ba-ma Đạt-đa.

Trở lại đời Quá khứ. Quốc Vương Ba La Nại tên là Ba Ma Đạt Đa.

而出遊獵象兵馬兵車兵導從前後。

Nhi xuất du liệp tượng binh mã binh xa binh đạo tòng tiền hậu.

Ra ngoài du chơi săn bắn, binh voi, binh ngựa, binh xe, hướng dẫn trước sau.

遊獵於山得一白象。身白如雪光澤可愛而有六牙。

Du liệp ư sơn đắc nhất bạch tượng. Thân bạch như tuyết, Quang trạch khả ái nhi hữu lục nha.

Du chơi săn bắn ở trên núi được một con voi trắng. Thân trắng như tuyết, Quang sáng bóng loáng rất yêu thích và có sáu ngà.

王得此象大用歡喜。即付象師令使調之。

Vương đắc thử tượng đại dụng hoan hỉ. Tức phó tượng sư linh sử điều chi.

Vua được voi này lấy làm vui mừng lớn. Tức thời giao phó cho thầy dạy voi, giúp sai khiến điều phục nó.

于時象師即著枷鞅鞞大杖閉之。

Vu thời tượng sư tức trước gia ướng bạn đại trượng bế chi.

Lúc đó thầy dạy voi tức thì khóa vòng da vào cổ gậy lớn nhất lại.

於時其象悲泣淚出。不欲飲食經于七日。象師怖懼。

Ư thời kỳ tượng bi khắp lệ xuất. Bất dục ẩm thực kinh vu thất nhật. Tượng sư bố cứ.

Lúc đó voi kia bi thương khóc rơi nước mắt. Không muốn ăn uống đã qua 7 ngày. Thầy dạy voi sợ hãi.

此王家象若不飲食不久便死。即白王言：

Thử Vương-gia tượng nhược bất ẩm thực bất cứu tiện tử. Tức bạch Vương ngôn：

Đây là voi của Vương gia, nếu không ăn uống, không lâu liền chết. Tức thì báo cáo Vua nói rằng：

所得白象不肯飲食悲泣淚出。

Sở đặc bạch tượng bất khảng ẩm thực, bi khắp lệ xuất.

Voi trắng có được không chịu ăn uống, bi thương khóc rơi lệ.

王聞其言即往看之。王問象言：何以不食？

Vương vẫn kỳ ngôn tức vãng khán chi.

Vương vấn tượng ngôn : Hà dĩ bất thực ?

Vua nghe lời nói đó tức thì đi tới xem xét.

Vua hỏi voi nói rằng : Do cái gì mà không ăn ?

象便作人語而白王言：

我心愁憂。唯願大王當去我愁。

Tượng tiện tác nhân ngữ nhi bạch Vương ngôn : Ngã tâm sâu ưu. Duy nguyện Đại-vương đương khứ Ngã sầu.

Voi liền dùng tiếng nói của người mà báo cáo Vua nói rằng : Tâm của Tôi lo âu. Chỉ mong Đại Vương sẽ vứt bỏ lo âu của Tôi.

王復問言：有何等愁？象答王言：我有父母。

Vương phục vấn ngôn : Hữu hà đẳng sầu ?

Tượng đáp Vương ngôn : Ngã hữu phụ mẫu.

Vua lại hỏi nói rằng : Có lo âu ra sao ? Voi trả lời Vua nói rằng : Tôi có cha mẹ.

年老朽邁不能行來。更無供養者。

Niên lão hủ mại bất năng hành lai. Cánh vô cúng dưỡng giả.

Tuổi cao già yếu không thể đi lại. Càng không có ai cúng dưỡng.

唯我供養採取飲食。若我在此拘繫無供養者。

Duy Ngã cúng dưỡng thải thủ ẩm thực.

Nhược Ngã tại thủ câu hệ vô cúng dưỡng giả.

Chỉ có Tôi cúng dưỡng thu nhật lấy thức ăn.

Nếu Tôi bị trói buộc ở đây không có người cúng dưỡng.

便當俱沒用爲悲愁。大王若有大慈放我使去。

Tiện đương câu một dụng vi bi sâu. Đại-

vương nhược hữu Đại Từ phóng Ngã sử khứ.

Liên sẽ cùng chết, lấy làm bi sâu. Đại Vương nếu có Đại Từ thả cho Tôi đi.

供養父母畢其年命。自當來還供養大王。

Cúng dưỡng phụ mẫu tất kỳ niên mệnh. Tự đương lai hoàn cúng dưỡng Đại-vương.

Cúng dưỡng cha mẹ cuối cùng qua đời. Tự sẽ quay trở lại cúng dưỡng Đại Vương.

不違此誓。王聞其言愴然不樂。即讚歎言：

Bất vi thử thệ. Vương văn kỳ ngôn sáng nhiên bất lạc. Tức tán thán ngôn :

Không ngược lại lời thệ nguyện. Vua nghe lời nói đó bỗng nhiên không vui. Tức thì khen ngợi nói rằng :

汝雖畜生修於人行。我雖爲人作畜生行。

Nhữ tuy Súc-sinh tu ư nhân hạnh. Ngã tuy vi nhân tác Súc-sinh hạnh.

Người tuy là Súc sinh tu hạnh của người. Ta tuy là người làm hạnh của Súc sinh.

王即長跪解象令去。時象便去供養父母經十二年。

Vương tức trường quy giải tượng linh khứ. Thời tượng tiện khứ cúng dưỡng phụ mẫu kinh thập nhị niên.

Vua tức thì quỳ lâu tháo bỏ để cho voi ra đi. Lúc đó Voi liền đến cúng dưỡng cha mẹ trải qua 12 năm.

父母終亡。即便來還詣於王宮。

**Phụ mẫu chung vong. Tức tiện lai hoàn nghệ
ư Vương cung.**

**Cha mẹ cuối cùng bỏ mệnh. Tức thì liền trở
về tới ở trong cung Vua.**

王見象還益加歡喜。七寶莊嚴瓔珞其身。

**Vương kiến tượng hoàn ích gia hoan hỉ. Thất
bảo trang nghiêm anh lạc kỳ thân.**

**Vua nhìn thấy voi trở về ích lợi thêm vui
mừng. Thân nó 7 vật báu chuỗi ngọc trang
nghiêm.**

王欲出時象在前導。王愛此象過踰太子。

Vương dục xuất thời tượng tại tiền đạo.

Vương ái thử tượng quá du Thái-tử.

**Khi Vua muốn ra ngoài, voi liền ở trước dẫn
đường. Vua yêu quý voi hơn cả Thái Tử.**

眾象中最因名象幡。時有貧婆羅門欲詣王乞。

**Chúng tượng trung tối nhân danh Tượng-
phan. Thời hữu bần Bà-la-môn dục nghệ
Vương khất.**

**Tối cao trong số các voi, nhân vì thế tên là
Tượng Phan. Khi đó có Bà La Môn nghèo,
muốn tới nơi Vua ở xin ăn.**

便問人言：作何方便可得財賄。有人語之。

Tiên vấn nhân ngôn : Tác hà Phương tiện khả đắc tài hối. Hữu nhân ngữ chi.

Liên hỏi người nói rằng : Làm theo cách nào mới có thể được tiền của. Có có nói là.

王有白象甚爲敬愛。汝若能歎此象者。乃可大得。

Vương hữu bạch tượng thậm vi kính ái. Nhữ nhược năng thán thử tượng giả. Nãi khả đại đắc.

Vua có voi trắng rất là kính yêu. Ông nếu có thể khen ngợi con voi này. Mới có thể được lớn.

時婆羅門伺王出時在路傍住。即歎白象而說偈言：

Thời Bà-la-môn tứ Vương xuất thời tại lộ bàng trụ. Tức thán bạch tượng nhi thuyết kệ ngôn :

Lúc đó Bà La Môn nhòm thấy Vua đi ra, thời đứng ở bên cạnh đường. Tức thì ca ngợi voi trắng mà đọc bài kệ nói rằng :

汝身甚姝好 猶若天帝象

Nhữ thân thậm xu hảo. Do nhược Thiên-đế tượng.

Thân nó rất quý đẹp. Như voi của Ngọc Hoàng.

眾象相具足 福德甚巍巍

Chúng tượng tương cụ túc. Phúc Đức thậm nguy nguy.

Các Tượng voi đầy đủ. Phúc Đức rất uy nghi.

形影無雙比 猶若白雪光

Hình ảnh vô song bỉ. Do nhược bạch tuyết quang.

Hình ảnh không thể sánh. Giống như ánh tuyết trắng.

身體甚難及 奇特不可量

Thân thể thậm nan cập. Kỳ đặc bất khả lượng.

Thân rất khó sánh kịp. Đặc biệt không thể lường.

爾時國王聞歎白象大用歡喜。

Nhĩ thời Quốc-vương văn thán bạch tượng đại dụng hoan hỉ.

Khi đó Quốc Vương nghe ca ngợi voi trắng lấy làm rất vui mừng.

賜婆羅門金錢五百。便用致富。佛告阿難！

Tứ Bà-la-môn kim tiền ngũ bách. Tiện dụng trí phú. Phật cáo A-nan !

Ban cho Bà La Môn tiền vàng 500 đồng. Liên đem sử dụng đưa tới giàu có. Phật bảo A Nan !

爾時象幡者則我身是。時婆羅門者。今此婆羅門是。

Nhĩ thời Tượng-phan giả tắc Ngã thân thị.

Thời Bà-la-môn giả. Kim thử Bà-la-môn thị.

Thời đó Tượng Phan chắc là thân của Ta.

Thời Bà La Môn. Nay là Bà La Môn này.

爾時歎我而得益利。用濟窮乏。

Nhĩ thời thán Ngã nhi đắc ích lợi. Dụng tế cùng phạp.

Khi đó ca ngợi Ta mà được ích lợi. Dùng để cứu nghèo khó.

今我成佛而復歎我。獲其福報不可限量。

Kim Ngã thành Phật nhi phục thán Ngã.

Hoạch kỳ Phúc báo bất khả hạn lượng.

Nay Ta thành Phật mà ca ngợi Ta. Thu

hoạch Phúc báo đó không có hạn lượng.

因得濟度生死之難。阿難長跪前白佛言：

Nhân đắc tế độ sinh tử chi nạn. A-nan trường quy tiên bạch Phật ngôn :

Nhân do được cứu giúp thoát hoạn nạn sinh chết. A Nan quy lâu tiến lên báo cáo Phật nói rằng :

若使有人四句一頌讚歎如來。當得幾許功德之報？

Nhược sử hữu nhân tứ cú nhất tụng tán thán Như Lai. Đương đắc kỷ hứa công Đức chi báo ?

Nếu như có người với 1 bài ca tụng có 4 câu ca ngợi Như Lai. Sẽ được báo ứng bao nhiêu công Đức.

佛告阿難！正使億百千那術無數眾生皆得人身。

Phật cáo A-nan ! Chính sử ức bách thiên Na-thuật vô số chúng sinh giai đắc nhân thân.

Phật bảo A Nan ! Cho dù trăm triệu trăm nghìn rất nhiều vô số chúng sinh đều được thân người.

悉得成就辟支佛道。設使有人供養是等諸辟支佛。

Tất đắc thành tựu Bích Chi Phật đạo. Thiết sử hữu nhân cúng dưỡng thị đẳng chư Bích Chi Phật.

Đều được thành công Đạo Bích Chi Phật. Giả sử có người cúng dường tất cả các Bích Chi Phật đó.

衣被飲食醫藥床臥敷具滿百歲中。其人功德寧爲多不？

Y bị ẩm thực y dược sàng ngọa phu cụ mãn bách tuế trung. Kỳ nhân công Đức ninh vi đa phủ ?

Quần áo thức ăn thuốc uống, giường nằm dụng cụ khác, đủ trong 100 năm. Người đó công Đức chắc chắn là nhiều phải không ?

阿難白佛言：

甚多甚多不可計量。若使有人四句一偈。

A-nan bạch Phật ngôn : Thậm đa thậm đa bất khả kế lượng. Nhược sử hữu nhân tứ cú nhất kệ.

A Nan báo cáo Phật nói rằng : Rất nhiều, rất nhiều, không thể đo đếm được. Nếu như có người với 1 bài kệ có 4 câu.

以歡喜心讚歎如來。

所得功德過於供養諸辟支佛得福德者。

Dĩ hoan hỉ tâm tán thán Như Lai. Sở đắc công Đức quá ư cúng dường chư Bích Chi Phật đắc Phúc Đức giả.

Dùng tâm vui mừng ca ngợi Như Lai. Có được công Đức vượt quá người cúng dường các Bích Chi Phật có được Phúc Đức.

上百千萬倍億億無數倍無以為喻。賢者阿難一切大會。

Thượng bách thiên vạn bội ức ức vô số bội vô dĩ vi dụ. Hiền giả A-nan nhất thiết Đại-hội. Trên cả trăm nghìn vạn lần, trăm triệu trăm triệu vô số lần không lấy làm hiểu được. Người hiền A Nan tất cả Đại hội.

聞佛所說皆大歡喜。遶佛三匝頭面作禮。

Văn Phật sở thuyết giai đại hoan hỉ. Nhiều Phật tam tạp, đầu diện tác lễ.

Nghe được Phật nói đều rất vui mừng. Vòng quanh Phật 3 lượt, phục đất làm lễ.

聞如是。一時佛在波羅奈國精舍中止。

Văn như thị. Nhất thời Phật tại Ba-la-nại quốc Tịnh-xá trung chỉ.

Nghe như thế. Một thời Phật dừng ở trong Tịnh Xá nước Ba La Nại.

諸佛之法晝三時夜三時。以正覺眼觀於眾生。

Chư Phật chi Pháp trú tam thời dạ tam thời. Dĩ Chính-giác nhãn quán ư chúng sinh.

Pháp của các Phật, ban ngày 3 thời khắc, ban đêm 3 thời khắc. Dùng mắt Chính Giác quan sát chúng sinh.

誰應度者輒往度之。時波羅奈王有輔相婆羅門。

Thùy ưng độ giả triếp vãng độ chi. Thời Ba-la-nại Vương hữu phụ tướng Bà-la-môn.

Ai cần cứu độ liền đi tới cứu độ. Lúc đó Vua nước Ba La Nại có một tướng giúp việc Bà La Môn.

新取婦甚爲愛敬。其婦白夫與我一願。輔相答曰：

Tân thủ phụ thậm vi ái kính. Kỳ phụ bạch phu dĩ Ngã nhất nguyện. Phụ tướng đáp viết

:

Mới lấy vợ rất là yêu kính. Người vợ đó báo cáo chồng, ban cho Thiếp một ước nguyện. Tướng giúp việc trả lời nói rằng :

欲求何等恣隨汝意。婦即報言：聽我施佛及比丘僧。

Dục cầu hà đẳng tứ tùy Nhữ ý. Phụ tức báo ngôn : Thính Ngã thí Phật cập Tì-kheo Tăng.

Muốn cầu cái gì thoải mái tùy ý của mình.

Vợ tức thì trả lời nói rằng : Cho phép Thiếp Bố thí cho Phật cùng với Tì Kheo Tăng.

手自斟酌聽說經法。夫即可之從汝所欲。

Thủ tự châm chước thính thuyết Kinh Pháp.

Phu tức khả chi tòng Nhữ sở dục.

Tay tự rót nước nghe nói Kinh Pháp. Chồng tức thì đồng ý, theo ý muốn của vợ.

爾時世尊知其應度。明旦晨朝著衣持鉢往詣其家。

Nhĩ thời Thế Tôn tri kỳ ưng độ. Minh đán thần triều trước y trì bát vãng nghệ kỳ gia.

Khi đó Thế Tôn biết cần cứu độ họ. Sáng sớm hôm sau mặc áo đem bát đi tới gia đình họ.

輔相夫婦聞佛在外。歡喜躍踊即出奉迎。

Phụ tướng phu phụ vẫn Phật tại ngoại. Hoan hỉ được dũng tức xuất phụng nghênh.

Vợ chồng tướng giúp việc nghe thấy Phật ở bên ngoài. Vui mừng dũng mãnh tức thì ra ngoài cung kính đón rước.

稽首佛足施設床座。請佛入坐供施甘饌。

Khê thủ Phật tức thí thiết sàng tọa. Thỉnh Phật nhập tọa cúng thí cam soạn.

Đỉnh lễ Phật xong, làm nơi để ngồi. Mời Phật ngồi xuống cúng thí thịnh soạn.

世尊食畢。輔相夫婦手自執水灌世尊手。

Thế Tôn thực tất. Phụ tướng phu phụ, thủ tự chấp thủy quán Thế Tôn thủ.

Thế Tôn ăn xong. Vợ chồng tướng giúp việc, tay tự bưng nước tưới lên tay của Thế Tôn.

於是如來洗手漱口已訖爲說經法。

Ư thị Như Lai tẩy thủ thấu khẩu dĩ cật, vị thuyết Kinh Pháp.

Khi đó Như Lai rửa tay súc miệng đã xong, vì nói Kinh Pháp.

讚施之德持戒之福。天上人中封授自然。

Tán thí chi Đức Trì-giới chi Phúc. Thiên
thượng nhân trung, phong thụ tự nhiên.

Ca ngợi công Đức Bố thí, Phúc của giữ Giới.
Ở trong số người trên Trời, tự nhiên được
trao cho phong ấp.

尊榮豪貴富樂無極。雖復高尊諸欲自恣。

Tôn vinh hào quý phú lạc vô cực. Tuy phục
cao tôn chư dục tự tứ.

Tôn vinh hào quý giàu sang vui sướng vô
cùng. Tuy lại được cao quý các ham muốn
tự thỏa mãn.

不能得免三塗之苦。地獄之中火燒湯煮。

Bất năng đắc miễn Tam-đồ chi khổ. Địa-ngục
chi trung hỏa thiêu thang xử.

Không thể miễn thoát được khổ của Địa
ngục, Quỷ đói, Súc sinh. Ở trong Địa ngục
lửa cháy vạc dầu nấu sôi.

刀山劍樹火車爐炭。刀鋸解析甚酷甚痛不可具陳。

Đao sơn kiếm thụ hỏa xa lô than. Đao cứ giải
tích thậm khốc thậm thống bất khả cụ trần.

Núi đao, cây kiếm, xe lửa, lò than. Dao, cưa, tháo ra xé nhỏ, rất tàn ác, rất đau đớn, không thể nói hết.

餓鬼中苦身瘦腹大咽細如針孔。

Nga-quỷ trung khổ thân sáu phúc đại yết tế như châm khổng.

Khổ ở trong Quỷ đói, thân gầy yếu, bụng to yết hầu nhỏ bé như lỗ kim.

骨節相敲共相切磨舉身火然。百千萬歲不聞水穀之名。

。

Cốt tiết tương xao cộng tương thiết ma cử thân hỏa nhiên. Bách thiên vạn tuế bất văn thủy cốc chi danh.

Xương cốt chi tiết cùng nhau gõ, cùng nhau cắt ma sát, thân cử động lửa bốc cháy. Trăm nghìn vạn năm không nghe thấy tên của nước ngũ cốc.

飢渴甚困不可具說。畜生中苦虎狼師子蛇蟒蝮虺。

Cơ khát thậm khổn bất khả cụ thuyết. Súc-sinh trung khổ hổ lang sư tử xà mãng phúc ngoan.

Đói khát rất khốn khổ không thể nói hết. Khổ ở trong Súc sinh, hổ chó sói sư tử, rắn mãng xà cạp long.

更相殘害互相噉食。

三塗之中惡心熾盛無有善意大如毛髮。

Cánh tương tàn hại hổ tương đạm thực. Tam-đồ chi trung ác tâm sí thịnh, vô hữu thiện ý đại như mao phát.

Càng thêm tàn hại dựa vào nhau cùng ăn thịt. Ở trong Địa ngục, Quỷ đói, Súc sinh, tâm ác cháy mạnh, không có ý thiện to như sợ tóc.

宛轉苦毒無有出期。唯捨諸欲思惟正諦。

Uyển chuyển khổ độc vô hữu xuất kỳ. Duy xả chư dục tư duy Chính-đế.

Khổ độc xoay chuyển không có ngày ra. Chỉ buông bỏ các ham Dục suy nghĩ Chân lý đúng.

爾乃得離眾苦毒耳。受三界身悉皆有苦。

Nhĩ nãi đắc ly chúng khổ độc nhĩ. Thụ Tam-giới thân, tất giai hữu khổ.

Mới có thể được rời bỏ các khổ độc. Nhận lấy thân của 3 Cõi giới, tất cả đều có khổ.

一切眾苦皆從習生。由習諸欲三毒之垢。

Nhất thiết chúng khổ giai tòng tập sinh. Do tập chư dục Tam-độc chi cấu.

Tất cả các khổ đều từ luyện tập sinh ra. Do luyện tập các ham Dục, Tham lam Thù hận Ngu si cấu bản.

諸行之報便有眾苦。斷絕三毒銷然諸欲則無諸行。

Chư Hành chi báo tiện hữu chúng khổ. Đoạn tuyệt Tam-độc tiêu nhiên chư dục tắc vô chư Hành.

Báo ứng của các Hành động liền có các khổ. Cắt bỏ Tham lam Thù hận Ngu si, thiêu cháy các ham Dục chắc là không có các Hành động.

眾行已盡則不受身。已無有身眾苦便滅。

Chúng Hành dĩ tận tắc bất thụ thân. Dĩ vô hữu thân chúng khổ tiện diệt.

Các Hành động đã hết chắc là không nhận lấy thân. Do không có Thân, các khổ liền tiêu diệt.

欲盡諸行一切縛者。唯當思惟八正之道。

**Dục tận chư Hành nhất thiết phược giả. Duy
đương tư duy bát Chính chi Đạo.**

**Muốn hết tận các Hành động, tất cả trói
buộc. Chỉ cần suy nghĩ 8 Đạo đúng.**

佛爲輔相夫婦說此法已。

**Phật vị phụ tướng phu phụ thuyết thử Pháp
dĩ.**

**Phật vị vợ chồng tướng giúp việc nói Pháp
này xong.**

應時夫婦歡喜踊躍入四正諦。即於佛前得須陀洹道。

**Ứng thời phu phụ hoan hỉ dũng dục nhập tứ
Chính-đế. Tức ư Phật tiền đắc Tu-đà-hoàn
Đạo.**

**Tức thời vợ chồng vui mừng dũng mãnh
nhập vào 4 Chân lý của bậc Thánh. Tức thời
ở trước Phật được Đạo Tu Đà Hoàn.**

於是夫婦觀家如獄。見欲如火不樂恩愛。長跪白佛。

**Ư thị phu phụ quán gia như ngục. Kiến dục
như hỏa bất lạc ân ái. Trường quy bạch Phật.**

Khi đó vợ chồng quan sát gia đình như ngục tù. Nhìn thấy tham Dục như lửa, không vui ân ái. Quỳ lâu báo cáo Phật.

願爲沙門。佛即可之。鬚髮自墮法衣在身。

Nguyện vi Sa-môn. Phật tức khả chi. Tu phát tự đọa Pháp y tại thân.

Xin nguyện làm Sa Môn. Phật tức thời đồng ý. Râu tóc tự rơi xuống, áo Pháp ở trên thân.

其夫便成沙門。婦即成比丘尼。

Kỳ phu tiện thành Sa-môn. Phụ tức thành Tì-kheo-ni.

Người chồng đó liền thành Sa Môn. Người vợ tức thì thành Nữ Tì Kheo.

俱隨佛後到於精舍。爾時世尊重爲說法。

Câu tùy Phật hậu đáo ư Tịnh-xá. Nhĩ thời Thế Tôn trùng vị thuyết Pháp.

Đều theo sau Phật tới ở nơi Tịnh Xá. Khi đó Thế Tôn lại vì nói Pháp.

三十七品諸禪三昧。思惟意解諸欲永盡。

Tam thập thất phẩm chư Thiền Tam-muội.

Tư duy ý giải chư dục vĩnh tận.

37 Phẩm trợ Đạo Pháp, các Thiên Tam Muội. Tư duy ý hiểu, các ham Dục vĩnh viễn hết tận.

俱成羅漢六通清徹。時諸比丘讚歎如來神力智慧。

Câu thành La-hán Lục-thông thanh triệt.

Thời chư Tì-kheo tán thán Như Lai Thần-lực Trí-tuệ.

Đều thành La Hán, 6 Thần thông trong suốt. Lúc đó các Tì Kheo ca ngợi Thần lực Trí tuệ của Như Lai.

并復讚歎二阿羅漢。甚奇甚特。

Tinh phục tán thán nhị A-la-hán. Thậm kì thậm đặc.

Lại gồm cả ca ngợi 2 vị La Hán. Rất kì lạ, rất đặc biệt.

在於尊豪便能放捨尊貴榮祿。其婦少壯棄欲捨樂。

Tại ư tôn hào tiện năng phóng xả tôn quý vinh lộc. Kỳ phụ thiếu tráng khí dục xả lạc.

Ở trong tôn vinh hào quý, liền có thể buông bỏ tôn quý vinh lộc. Người vợ đó trẻ khỏe, vứt bỏ ham Dục, buông bỏ vui sướng.

甚為難及。佛告諸比丘。此阿羅漢乃前世時。

Thậm vi nan cập. Phật cáo chư Tì-kheo ! Thử A-la-hán nãi tiên thế thời.

Rất là khó theo kịp. Phật bảo các Tì Kheo ! A La Hán này do là thời Kiếp trước.

亦有好心今意亦好。乃往過去無量世時。

Diệc hữu hảo tâm, kim ý diệc hảo. Nãi vãng Quá-khứ vô lượng thế thời.

Cũng có tâm tốt, ngày nay ý cũng tốt. Trở lại thời Quá khứ vô lượng đời.

波羅奈國婆羅摩達王。王有輔相名比豆梨。

Ba-la-nại quốc Bà-la Ma-đạt Vương. Vương hữu phụ tướng danh Tì-đậu-lê.

Nước Ba La Nại Vua Bà La Ma Đạt. Vua có tướng giúp việc tên là Tì Đậu Lê.

爲人慈仁聰明博達靡所不通。

Vi nhân từ nhân thông minh bác đạt mị sở bất thông.

Là người nhân từ thông minh sáng dạ hầu hết đều thông tỏ.

唯以十善而用教化。王及臣民莫不諮受。王甚敬愛。

Duy dĩ Thập thiện nhi dụng giáo hóa. Vương cập thân dân mạc bất tư thụ. Vương thậm kính ái.

Chỉ lấy 10 Nghiệp thiện mà dùng để giáo hóa. Vua cùng với thân dân tất cả đều bàn bạc thu nhận. Vua rất kính yêu.

時海龍王名波留尼。王有夫人名摩那斯。

Thời hải Long-vương danh Ba-lưu-ni. Vương hữu phu nhân danh Ma-na-tư.

Khi đó Vua Rồng biển tên là Ba Lưu Ni. Vua có phu nhân tên là Ma Na Tư.

王甚愛敬。於時龍王欲至天上會於釋所。

Vương thậm ái kính. Ở thời Long-vương dục chí Thiên thượng hội ư thích sở.

Vua rất yêu kính. Khi đó Vua Rồng muốn lên Trời, gặp nhau tại nơi ở của Ngọc Hoàng.

龍王持婦囑宮中五百嫫女。無得媵惱觸誤其意。

Long-vương trì phụ thuộc, cung trung ngũ bách cung nữ. Vô đắc nhiều nã xúc ngộ kỳ ý.

Vua Rồng đem theo vợ quyến thuộc, trong cung có 500 cung nữ. Không được quấy nhiễu xúc phạm ý của người đó.

龍王去後。於時夫人坐自思惟宿命之事。

Long-vương khứ hậu. Ở thời phu nhân tọa tự tư duy tức mệnh chi sự.

Vua Rồng đi sau cùng. Khi đó phu nhân ngồi tự suy nghĩ việc của đời trước.

憶念前世爲人之時毀失禁戒今墮龍中。

Ức niệm tiên thế vi nhân chi thời hủy thất Cấm-giới, kim đọa Long trung.

Nhớ lại đời trước khi làm người, hủy mất Giới cấm, ngày nay đọa xuống ở trong loài Rồng.

即便不樂悲泣淚出。諸侍女輩見其不樂。咸共問之。

Tức tiện bất lạc bi khắp lệ xuất. Chư thị nữ bối kiến kỳ bất lạc. Hàm cộng vấn chi.

Tức thời liền không vui, bi thương khóc rơi lệ. Các hầu gái họ nhìn thấy bà không vui.

Tất cả cùng nhau hỏi.

何以不樂？夫人答言：憶念先世本爲人時坐犯禁戒。

Hà dĩ bất lạc？Phu nhân đáp ngôn：Ức niệm tiên thế bản vi nhân thời tọa phạm Cấm-giới.

Vì cái gì mà không vui ? Phu nhân trả lời nói rằng : Nhớ lại đời trước vốn dĩ lúc làm người vì phạm Giới cấm.

今作龍身受此毒惡醜穢之形。用爲不樂。問諸侍女。

Kim tác Long thân thụ thử độc ác xú uế chi hình. Dụng vi bất lạc. Vấn chư thị nữ.

Nay làm thân Rồng nhận lấy thân hình độc ác ô uế này. Lấy làm không vui. Hỏi các hầu gái.

作何方便得脫龍身生於天上？諸侍女言：

Tác hà Phương-tiện đắc thoát Long thân sinh ư Thiên thượng ? Chư thị nữ ngôn :

Làm cách nào được thoát khỏi thân Rồng sinh lên trên Trời ? Các hầu gái nói rằng :

以龍之形含毒熾盛。求脫龍身生於天上。甚難甚難。

Dĩ Long chi hình hàm độc sí thịnh. Cầu thoát Long thân sinh ư Thiên thượng. Thậm nan thậm nan.

Do thân hình của Rồng chứa đựng độc rất mạnh. Cầu thoát khỏi thân Rồng sinh lên Trời. Rất khó, rất khó.

求索人身尚不可得。況生天上。中有一女而便答言：

Cầu tác nhân thân thượng bất khả đắc.

Huống sinh Thiên thượng. Trung hữu nhất nữ nhi tiện đáp ngôn :

Cầu làm thân người còn có thể được. Huống chi sinh lên Trời. Trong đó có một hầu gái, mà liền trả lời nói rằng :

我曾聞於閻浮提波羅奈國波羅達王有一輔相。

Ngã tằng văn ư Diêm-phù-đề Ba-la-nại quốc Ba-la-đạt Vương hữu nhất phụ tướng.

Con từng nghe ở Diêm Phù Đề nước Ba La Nại Vua Ba La Đạt có một tướng giúp việc.

至為慈仁智慧無比。一切經典靡不通達。

Chí vi từ nhân Trí tuệ vô tỉ. Nhất thiết Kinh điển mị bất thông đạt.

Rất là nhân từ Trí tuệ khó sánh nổi. Tất cả Kinh điển hầu hết đều thông tỏ.

生天人中五道所趣悉皆知之。五戒十善而用教化。

Sinh Thiên Nhân trung Ngũ-đạo sở thú tất giai tri chi. Ngũ-giới Thập-thiện nhi dụng giáo hóa.

Sinh lên trong người Trời, thú hưởng của 5 Đạo đều biết tất cả. Năm Giới 10 Nghiệp thiện mà dùng để giáo hóa.

能往問之。乃知生天所行之法脫龍之行。

Năng vãng vấn chi. Nãi tri sinh Thiên sở hành chi Pháp, thoát Long chi hạnh.

Có thể đi tới hỏi thăm. Mới biết thực hành Pháp được sinh lên Trời, thoát khỏi hạnh của Rồng.

龍王來還見於夫人顏色不樂。即便問言：何以不樂？

Long-vương lai hoàn kiến ư phu nhân nhan sắc bất lạc. Tức tiện vấn ngôn : Hà dĩ bất lạc ?

Vua Rồng trở về nhìn thấy được sắc mặt của phu nhân không vui. Tức thời liền hỏi nói rằng : Do cái gì mà không vui ?

夫人答言：

閻浮提波羅奈國婆羅達王。有一輔相名比豆梨。

Phu nhân đáp ngôn : Diêm-phù-đề Ba-la-nại quốc Bà-la-đạt Vương. Hữu nhất phụ tướng danh Tì-đâu-lê.

Phu nhân trả lời nói rằng : Diêm Phù Đê nước Ba La Nại Vua Bà La Đạt. Có một tướng giúp việc tên là Tì Đâu Lê.

至爲慈仁憐愍眾生智慧無比。一切經籍靡不通達。

Chí vi từ nhân lân mẫn chúng sinh Trí tuệ vô tỉ. Nhất thiết Kinh tịch mị bất thông đạt.

Rất là nhân từ thương xót chúng sinh Trí tuệ khó sánh. Tất cả Kinh sách hầu hết đều thông tỏ.

欲得此心而用食之。欲得其血而欲飲之。

Dục đắc thử tâm nhi dụng thực chi. Dục đắc kỳ huyết nhi dục ẩm chi.

Muốn được tim của người này mà dùng để ăn. Muốn được máu của người đó mà muốn uống vậy.

若得此者我愁乃除。龍王答言：莫得憂愁我當求索。

Nhược đắc thử giả Ngã sầu nãi trừ. Long-vương đáp ngôn : Mạc đắc ưu sầu Ngã đương cầu tác.

Nếu được người này ưu sầu của Thiếp mới trừ diệt. Vua Rồng trả lời nói rằng : Đừng có ưu sầu Ta sẽ tìm cách.

於是龍王有親友夜叉。名曰不那奇。語夜叉言：

Ư thị Long-vương hữu thân hữu Dạ-xoa. Danh viết Bất-na-kì. Ngũ Dạ-xoa ngôn :

Khi đó Vua Rồng có bạn thân Dạ Xoa. Tên là Bất Na Kì. Bảo Dạ Xoa nói rằng :

而我夫人聞閻浮提波羅奈國王有輔相名比豆梨。

Nhi Ngã phu nhân văn Diêm-phù-đề Ba-la-nại Quốc-vương hữu phụ tướng danh Tì-đậu-lê.

Phu nhân của Ta nghe Diêm Phù Đề nước Ba La Nại, Vua Bà La Đạt có một tướng giúp việc, tên là Tì Đậu Lê.

爲人慈愍智慧第一。一切經籍莫不通暢。

Vì nhân Từ mẫn Trí tuệ đệ nhất. Nhất thiết Kinh tịch mạc bất thông sưởng.

Là người nhân từ thương xót Trí tuệ bậc nhất. Tất cả Kinh sách hầu hết đều thông tỏ.

欲得此心并及其血而飲食之。爲我索來。

Dục đắc thử tâm tinh cập kỳ huyết nhi ẩm thực chi. Vị Ngã tác lai.

Muốn được tim này gồm cả máu của người đó mà ăn uống. Vì Ta tới tìm xem.

持兩明珠而用與之。於是夜叉即便受教取明珠去。

Trì lưỡng minh châu nhi dụng dĩ chi. Ư thị
Đạ-xoa tức tiện thụ giáo thủ minh châu khứ .
Đem 2 viên châu sáng mà dùng ban cho. Khi
đó Đạ Xoa tức thời liền nhận lời dạy, cầm lấy
châu sáng ra đi.

到閻浮提化作賈客。入波羅奈城捉摩尼珠。

Đáo Diêm-phù-đề hóa tác cổ khách. Nhập
Ba-la-nại thành tróc Ma-ni châu.

Tới Diêm Phù Đề hóa ra làm nhà buôn. Vào
thành Ba La Nại cầm lấy châu sáng.

行人問之言：汝持此珠欲賣之不？答言：

Hành nhân vấn chi ngôn : Nhữ trì thử châu
dục mại chi phủ ? Đáp ngôn :

Người đi đường hỏi nói rằng : Ông cầm châu
này muốn bán phải không ? Trả lời nói rằng :
不賣欲用博戲。即便白王。

Bất mại dục dụng bác hí. Tức tiện bạch
Vương.

Không bán muốn đem dùng chơi đánh cược.
Tức thì liền báo cáo Vua.

外有賈客持二明珠欲用博戲。其王聞之大用歡喜。

Ngoại hữu cổ khách trì nhị minh châu dục dụng bác hí. Kỳ Vương văn chi đại dụng hoan hỉ.

Bên ngoài có nhà buôn đem châu sáng muốn dùng để chơi đánh cược. Vua đó nghe thấy, lấy làm vui mừng lớn.

王自恃巧博必定得勝。王言：將來即喚入宮。

Vương tự thị xảo bác tất định đắc thắng.

Vương ngôn : Tương lai tức hoán nhập cung.

Vua tự dựa vào Trí tài giỏi đánh cược nhất định thắng được. Vua nói rằng : Tức thời gọi đem tới vào trong cung.

時王問言：欲願何等？夜叉答言：

Thời Vương vấn ngôn : Dục nguyện hà đẳng ? Dạ-xoa đáp ngôn :

Lúc đó Vua hỏi nói rằng : Muốn nguyện cái gì ? Dạ Xoa trả lời nói rằng :

我得勝者持比豆梨與我。王若得勝此珠屬王。

Ngã đắc thắng giả trì Tì-đậu-lê dĩ Ngã.

Vương nhược đắc thắng thử châu thuộc Vương.

**Thần chiến thắng, đem Tì Đâu Lê cho thần.
Vua nếu chiến thắng, châu này thuộc của
Vua.**

王便可之。諸臣左右咸皆難之。王利明珠自恃巧博。
Vương tiện khả chi. Chư thần tả hữu hàm giai
nan chi. Vương lợi minh châu tự thị xảo bác.
Vua liền đồng ý. Các quần thần tả hữu tất cả
đều khó cản. Vua ham lợi châu sáng tự dựa
vào Trí tài giỏi đánh cược.

我必得勝不用臣語。即便共博。

**Ngã tất đắc thắng bất dụng thần ngữ. Tức
tiện cộng bác.**

**Ta nhất định chiến thắng, không sử dụng tới
lời nói của quần thần. Tức thời liền cùng
đánh cược.**

夜叉得勝得比豆梨。於時夜叉捉比豆梨徑飛虛空。

**Dạ-xoa đắc thắng đắc Tì-đâu-lê. Ư thời Dạ-
xoa tróc Tì-đâu-lê kính phi hư không.**

**Dạ Xoa chiến thắng được Tì Đâu Lê. Khi đó
Dạ Xoa tóm lấy Tì Đâu Lê bay thẳng lên
khoảng không.**

王失比豆梨大用愁憂。諸臣皆言：

王行五事亡國失位。

Vương thất Tì-đậu-lê đại dụng sầu ưu. Chư thần giai ngôn : Vương hành ngũ sự vong quốc thất vị.

Vua mất Tì Đậu Lê lấy làm rất ưu sầu. Các quần thần đều nói rằng : Vua làm 5 việc mất nước mất ngôi vị.

一者博戲。二者嗜酒。三者耽荒女色惑於音樂。

Nhất giả bác hí. Nhị giả thị tửu. Tam giả đam hoang nữ sắc hoặc ư âm nhạc.

Một là chơi đánh cờ. Hai là ham thích rượu.

Ba là đam mê nữ sắc, mê hoặc với âm nhạc.

四者好出遊獵。五者不用忠諫。行此五事王不得久。

Tứ giả hảo xuất du liệp. Ngũ giả bất dụng trung gián. Hành thử ngũ sự Vương bất đắc cử.

Bốn là thích ra ngoài săn bắn. Năm là không sử dụng trung thân can gián. Làm 5 việc này ngôi Vua không được bền lâu.

於是夜叉擔比豆梨。到於山間便欲殺之。

Ư thị Dạ-xoa đảm Tì-đậu-lê. Đáo ư sơn gian
tiện dục sát chi.

**Khi đó Dạ Xoa mang Tì Đậu Lê. Tới giữa núi
liền muốn giết hại.**

時比豆梨問夜叉言：何以殺我？夜叉答言：
龍王夫人。

Thời Tì-đậu-lê vấn Dạ-xoa ngôn : Hà dĩ sát
Ngã ? Dạ-xoa đáp ngôn : Long-vương phu
nhân.

**Lúc đó Tì Đậu Lê hỏi Dạ Xoa nói rằng : Vì
sao giết Ta ? Dạ Xoa trả lời nói rằng : Vợ của
Vua Rồng.**

聞汝聰明智慧第一爲人慈仁。欲得汝血并及其心。

Văn Nhữ thông minh Trí tuệ đệ nhất, vi nhân
từ nhân. Dục đắc Nhữ huyết tinh cập kỳ tâm.
**Nghe nói ông thông minh Trí tuệ bậc nhất, là
người nhân từ. Muốn được máu của ông,
gồm cả cùng với tim của ông.**

是以殺汝。比豆梨言：汝之愚癡不解意趣。

Thị dĩ sát Nhữ. Tì-đậu-lê ngôn : Nhữ chi ngu
si bất giải ý thú.

Vì thế giết ông. Tì Đâu Lê nói rằng : Ngu si của ông không hiểu được ý hướng.

聞我智慧欲得我血者。欲得我法。

Văn Ngã Trí tuệ dục đắc Ngã huyết giả. Dục đắc Ngã Pháp.

Nghe Trí tuệ của Ta muốn được máu của Ta. Muốn được Pháp của Ta.

欲得我心者。而欲得我心中智慧。共往見之。

Dục đắc Ngã tâm giả. Nhi dục đắc Ngã tâm trung Trí tuệ. Cộng vãng kiến chi.

Muốn được tim của Ta. Mà muốn được Trí tuệ trong tim của Ta. Cùng nhau đi tới mà xem.

欲須何等我盡與之。時比豆梨即為夜叉說。

Dục tu hà đẳng Ngã tận dĩ chi. Thời Tì-đâu-lê tức vị Dạ-xoa thuyết.

Muốn cần cái gì Ta cho hết. Lúc đó Tì Đâu Lê tức thì vị Dạ Xoa nói.

人作惡有五事。一者作事倉卒而不審諦。

Nhân tác ác hữu ngũ sự. Nhất giả tác sự thương tốt nhi bất thâm đế.

Người làm ác có 5 việc. Một là làm việc hấp tấp thô bạo mà không biết kỹ càng.

二者後常多悔。三者多懷瞋恚無有慈心。

Nhị giả hậu thường đa hối. Tam giả đa hoài sân khuyển, vô hữu Từ tâm.

Hai là sau đó thường nhiều hối hận. Ba là nhớ thù hận nhiều, không có tâm từ.

四者惡名遠聞人所憎嫉不欲見之。

Tứ giả ác danh viễn văn nhân sở tăng嫉 bất dục kiến chi.

Bốn là danh tiếng ác lan xa, người nghe được ghét đối kị, không muốn gặp mặt.

五者死墮地獄畜生餓鬼。修善之人有五事好。何等爲五？

Ngũ giả tử đọa Địa-ngục Súc-sinh Ngạ-quỷ.

Tu thiện chi nhân hữu ngũ sự hảo. Hà đẳng vi ngũ ?

Năm là chết đọa xuống Địa ngục Súc sinh Quỷ đói. Người tu thiện có 5 việc tốt. Thế nào là Năm ?

一者所作審諦以法自御而不卒暴後無所悔。

Nhất giả sở tác thãm đế dĩ Pháp tự ngự nhi bất tốt bạo hậu vô sở hối.

Một là nếu làm cẩn thận, dùng Pháp tự chế ngự mà không nóng giận, sau không hối hận.

二者多慈愍心無所加害。三者好名流布聲震四遠。

Nhị giả đa Từ mẫn tâm vô sở gia hại. Tam giả hảo danh lưu bố, thanh chấn tứ viễn.

Hai là tâm từ thương xót nhiều, không tăng thêm sát hại. Ba là danh tiếng tốt lưu truyền, âm thanh chấn động 4 phương.

四者人皆敬愛猶若師父。五者死生天上及與人中快樂無極。

Tứ giả nhân giai kính ái do nhược sư phụ.

Ngũ giả tử sinh Thiên thượng cập dĩ nhân trung khoái lạc vô cực.

Bốn là người đều kính yêu, giống như cha thầy. Năm là chết sinh lên Trời cùng với ở trong loài người vui sướng vô cùng.

於是夜叉聞其所說心即開解。頭面作禮稽首其足。

Ư thị Dạ-xoa văn kỳ sở thuyết tâm tức khai giải. Đầu diện tác lễ khể thủ kỳ túc.

Khi đó Dạ Xoa nghe được lời nói của người đó, tâm tức thì khai sáng. Phục đất làm lễ, phục lễ dưới chân của người đó.

即從比豆梨求受教誨。

Tức tòng Tì-đậu-lê cầu thụ giáo hối.

Tức thì đi theo Tì Đậu Lê cầu xin nhận dạy bảo.

時比豆梨爲說十善生天之法。夜叉聞法歡喜踊躍奉而行之。

Thời Tì-đậu-lê vị thuyết Thập thiện sinh Thiên chi Pháp. Dạ-xoa văn Pháp hoan hỷ dũng dục phụng nhi hành chi.

Lúc đó Tì Đậu Lê vì nói Pháp 10 Nghiệp thiện sinh lên Trời. Dạ Xoa nghe Pháp vui mừng dũng mãnh cung kính mà thực hành.

即將比豆梨至龍王所。夫人見比豆梨歡喜無量。

Tức tương Tì-đậu-lê chí Long-vương sở. Phu nhân kiến Tì-đậu-lê hoan hỷ vô lượng.

Tức thời cùng với Tì Đậu Lê tới nơi ở của Vua Rồng. Vợ của Vua Rồng nhìn thấy Tì Đậu Lê vui mừng vô lượng.

頭面作禮稽首歸命。設施寶座供百味饌。

Đầu diện tác lễ khể thủ quy mệnh. Thiết thí bảo tọa cúng bách vị soạn.

Phục đất làm lễ, đĩnh lễ trở về nương theo. Làm tòa báu Bồ thí cúng trăm vị thịnh soạn.

於是比豆梨便爲龍王及夫人。

Ư thị Tì-đậu-lê tiện vị Long-vương cập phu nhân.

Khi đó Tì Đậu Lê liền vì Vua Rồng cùng với vợ.

說於五道所行罪福。攝身三惡慈愍眾生無所傷害。

Thuyết ư Ngũ-đạo sở hành tội Phúc. Nhiếp thân tam ác từ mẫn chúng sinh vô sở thương hại.

Nói tội Phúc làm được ở trong 5 Đạo. Thu giữ 3 Nghiệp ác của Thân, tâm từ thương xót chúng sinh, không làm tổn thương sát hại.

除捨慳貪義讓不盜。觀欲瑕穢離於女色貞潔不婬。

Trừ xả xan tham nghĩa nhượng bất đạo.

Quan dục hà uế ly ư nữ sắc trinh khiết bất dâm.

Trừ bỏ tham tiếc, nghĩa nhường nhịn, không trộm cướp. Xem xét ham Dục ô uế, rời xa nữ sắc trong sáng, không dâm dục.

言常至誠無有虛欺。言常柔軟無麤獷辭。

Ngôn thường chí thành vô hữu hư khi. Ngôn thường nhu nhuyễn vô thô quảng từ.

Nói thường thành tâm, không có sai lừa dối.

Nói thường mềm dẻo không có từ ngữ thô thiển hung hãn.

和其鬪諍不訟彼此。語則應律不加綺飾。

Hòa kỳ đấu tranh bất tụng bỉ thử. Ngữ tắc ứng luật bất gia ý sức.

Hòa hợp nếu đấu tranh không kiện tụng này nọ. Lời nói chắc là cần theo luật không tăng thêm hoa mỹ.

心常慈忍不起瞋恚。見人快善代用歡喜無嫉妬心。

Tâm thường Từ Nhẫn bất khởi sân khuể.

Kiến nhân khoái thiện đại dụng hoan hỉ vô tật đổ tâm.

Tâm thường Từ Nhẫn không sinh khởi thù giận. Nhìn thấy người vui thiện, lấy làm vui mừng thay họ, tâm không đổ kị ghen ghét.

一心奉信佛法聖眾及至真式。明了罪福意無狐疑。

**Nhất tâm phụng tín Phật Pháp Thánh chúng
cập chí chân thức. Minh liễu tội Phúc ý vô hồ
nghi.**

**Nhất tâm kính tin Phật Pháp Thánh Tăng
cùng với cách thức chân chính lớn. Hiểu rõ
tội Phúc, ý không có nghi hoặc.**

行此十善具足無缺便得生天。七寶宮殿所欲自然。

**Hành thử Thập-thiện cụ túc vô khuyết tiện
đắc sinh Thiên. Thất bảo cung điện sở dục
tự nhiên.**

**Thực hành 10 Nghiệp thiện này đầy đủ,
không có sai thiếu liền được sinh lên Trời.
Cung điện bằng 7 vật báu, muốn tự nhiên
được.**

不殺不盜不婬不欺絕酒不醉。五事具足生於人中。

**Bất sát bất đạo bất dâm bất khi tuyệt tửu bất
túy. Ngũ sự cụ túc sinh ư nhân trung.**

**Không giết hại, không trộm cướp, không dâm
dục, không lừa dối, dứt bỏ rượu không say
rượu. 5 việc đầy đủ sinh trong loài người.**

國王大姓長者之家。尊榮豪貴富樂無極。

Quốc-vương Đại-tính Trưởng-giả chi gia. Tôn vinh hào quý phú lạc vô cực.

Gia đình Quốc Vương, Họ tộc lớn, Trưởng giả. Tôn vinh hào quý, giàu sang sung sướng vô cùng.

無有慈心殘害眾生。強劫人財盜竊非道。

Vô hữu Từ tâm tàn hại chúng sinh. Cường kiếp nhân tài đạo thiết phi đạo.

Không có tâm Từ tàn hại chúng sinh. Mạnh cướp tài sản của người, trộm cướp không phải Đạo.

婬犯他妻愛欲情態無有厭足。妄言兩舌惡口罵詈。

Dâm phạm tha thê ái dục tình thái vô hữu yếm túc. Vọng ngôn lưỡng thiệt ác khẩu mạ lị.

Phạm dâm với vợ người khác, ham thích tình cảm hình bóng, không biết nhàm chán. Nói dối, nói hai lời, nói ác, mắng nhiếc.

瞋恚嫉妬。不孝父母。不信三尊背正向邪。

Sân khuể tật đố bất hiếu Phụ-mẫu. Bất tín Tam-Tôn, bối chính hướng tà.

Thù giận đố kị, bất hiếu với cha mẹ. Không tin Phật Pháp Tăng, ngược lại chân chính, hướng về sai trái.

行此諸惡死入地獄。燒炙榜笞。萬毒皆更痛不可言。

Hành thử chư ác tử nhập Địa-ngục. Thiêu chích bằng si. Vạn độc giai cánh thống bất khả ngôn.

Làm các ác này, chết nhập vào Địa ngục. Đốt, nướng, đánh roi vọt. Vạn độc ác đều tăng, đau đớn không thể nói được.

負債不償。借貸不歸。觚突無信。憍慢自大。謗毀三寶。

Phụ trái bất thường tá thái bất quy. Để đột vô tín kiêu mạn tự đại. Báng hủy Tam-bảo.

Gánh vác nợ nần không trả, vay mượn, cho vay không trả lại. Đập phá không tin. Kiêu mạn tự đại. Phỉ báng hủy hoại Phật Pháp Tăng.

死墮畜生驢馬駱駝猪羊狗犬師子虎狼蜣螂(虫*(打-丁+片))蜴。

Tử đạo Súc-sinh lư mã lạc đà trư dương cầu
khuyến sư tử hổ lang ngoan dã phúc hiết
phiến dị.

Chết đạo làm Súc sinh lừa, ngựa, lạc đà, lợn
dê chó, chó săn sư tử hổ chó sói, rắn ráo hổ
mang bò cạp.

及餘禽獸更相殘害毒心熾盛。宛轉受苦無有出期。

Cạp dư cầm thú cánh tương tàn hại độc tâm
sí thịnh. Uyển chuyển thụ khổ vô hữu xuất
kỳ.

Cùng với cầm thú khác, càng thêm tàn hại,
tâm độc bốc mạnh. Uyển chuyển nhận khổ,
không có ngày ra khỏi.

慳貪嫉妬不肯布施不知衣食。不信三尊慳火所燒。

Xan tham tật đố bất khảng bố thí bất tri y
thực. Bất tín Tam-Tôn xan hỏa sở thiêu.

Tham keo đố kị, không đồng ý làm Bố thí,
không biết quần áo thức ăn. Không tin Phật
Pháp Tăng, keo kiệt bị lửa đốt.

死墮餓鬼形體羸瘦。骨節相(敲-高+亭)舉身火然。

Tử đạo Ngạ-quỷ hình thể luy sấu. Cốt tiết
tướng đình cử thân hỏa nhiên.

Chết đọa xuống làm Quỷ đói, hình thể gầy yếu. Xương khớp cùng rã rời thân cử động lửa cháy.

百千萬歲無有解時。晝夜飢渴初不曾聞水穀之名。

Bách thiên vạn tuế vô hữu giải thời. Trú dạ cơ khát sơ bất tăng văn thủy cốc chi danh. Trăm nghìn vạn năm không có lúc thoát ra. Ngày đêm đói khát, đầu tiên chưa từng nghe tên nước ngũ cốc.

唯行十善攝身口意。長得生天快樂無極。

Duy hành Thập-thiện nhiếp Thân Khẩu Ý. Trưởng đắc sinh Thiên khoái lạc vô cực. Chỉ có làm 10 Nghiệp thiện thu lấy Thân Miệng Ý. Tăng thêm được sinh lên Trời, vui sướng vô hạn.

於是龍王及與夫人。一切諸龍悚然心驚毛豎。

Ư thị Long-vương cập dĩ phu nhân. Nhất thiết chư Long tủng nhiên tâm kinh mao thụ. Khi đó Vua Rồng cùng với vợ. Tất cả các Rồng bỗng nhiên sợ hãi, tâm kinh hoàng lông dựng đứng.

皆奉十善攝身口意持八關齋。諸龍歡喜。

**Giai phụng Thập-thiện nhiếp Thân Khẩu Ý trì
Bát quan-trai. Chư Long hoan hỉ.**

**Đều vâng theo 10 Nghiệp thiện, thu lấy Thân
Miệng Ý, giữ 8 Trai giới. Các Rồng vui mừng.**

當于是時金翅鳥王欲來瞰龍。盡其神力而不能近。

**Đương vu thị thời Kim-sí điều Vương dục lai
đạm Long. Tận kỳ Thân-lực nhi bất năng
cận.**

**Đúng lúc đó Vua Kim Sí Điều muốn tới ăn
thịt Rồng. Hết cả Thân lực mà không có thể
tới gần.**

於是諸龍甚自欣慶怪未曾有。

**Ư thị chư Long thậm tự hân khánh quái vị
tằng hữu.**

**Khi đó các Rồng tự nhiên rất vui sướng lạ
chưa từng có.**

龍王夫人大海諸龍。一切夜叉盡奉十善。

Long-vương phu nhân đại hải chư Long.

Nhất thiết Dạ-xoa tận phụng Thập-thiện.

**Vợ của Vua Rồng các Rồng của biển lớn. Tất
cả Dạ Xoa hết cả vâng theo 10 Nghiệp thiện.**

莫不歡喜作禮稽首。龍王即問比豆梨言：

Mạc bất hoan hỉ tác lễ khể thủ. Long-vương tức vấn Tì-đậu-lê ngôn :

Tất cả đều vui mừng, phục đầu làm lễ. Vua Rồng tức thì hỏi Tì Đậu Lê nói rằng :

大師欲還閻浮提不？答言：欲還。

Đại-sư dục hoàn Diêm-phù-đề phủ ? Đáp ngôn : Dục hoàn.

Thầy lớn muốn trở về Diêm Phù Đề không ? Trả lời nói rằng : Muốn trở về.

於是龍王即以栴檀摩尼明珠。及諸妙寶貢上菩薩。

Ư thị Long-vương tức dĩ Chiên-đàn Ma-ni minh châu. Cập chư diệu bảo cống thượng Bồ-tát.

Khi đó Vua Rồng tức thì lấy Chiên Đàn châu sáng Như ý. Cùng với các vật báu vi diệu dâng lên Bồ Tát.

夫人婁女一切諸龍及諸夜叉。各各奉上異妙珍奇。

Phu nhân cung nữ nhất thiết chư Long cập chư Dạ-xoa. Các các phụng thượng dị diệu trân kì.

Phu nhân cung nữ tất cả các Rồng cùng với các Dạ Xoa. Từng người kính dâng châu báu vi diệu khác.

還送比豆梨至波羅奈。稽首作禮歡喜辭去。

Hoàn tống Tì-đậu-lê chí Ba-la-nại. Khể thủ tác lễ hoan hỉ từ khứ.

Đưa tiễn Tì Đậu Lê trở về tới Ba La Nại. Phục đất làm lễ vui mừng từ biệt ra đi.

大海諸龍及諸夜叉。毒心銷滅死皆生天。

Đại hải chư Long cập chư Dạ-xoa. Độc tâm tiêu diệt tử giai sinh Thiên.

Các Rồng của biển lớn cùng với các Dạ Xoa. Tâm độc ác tiêu diệt chết đều sinh lên Trời.

婆羅達王及諸群臣一切人民還得覲見師比豆梨皆大歡喜。

Bà-la-đạt Vương cập chư quân thần nhất thiết nhân dân hoàn đắc cận kiến sư Tì-đậu-lê, giai đại hoan hỉ.

Vua Bà La Đạt cùng với các quân thần, tất cả nhân dân nhìn thấy Thầy Tì Đậu Lê được trở về, đều rất vui mừng.

頭面作禮問訊起居。時比豆梨爲王具說本末。

Đầu diện tác lễ vấn tẩn khởi cư. Thời Tì-đậu-lê vị Vương cụ thuyết bản mật.

Phục đất làm lễ thăm hỏi sinh sống hàng ngày ra sao. Khi đó Tì Đậu Lê vì Vua nói hết đầu đuôi.

如是王及臣民莫不歡喜歎未曾有。

Như thị Vương cập thân dân, mạc bất hoan hỉ thán vị tăng hữu.

Như thế Vua cùng với thân dân, tất cả đều vui mừng, ca ngợi chưa từng có.

於是比豆梨以摩尼珠舉著幢頭至心求願。

Ư thị Tì-đậu-lê dĩ Ma-ni châu cử trước tràng đầu chí tâm cầu nguyện.

Khi đó Tì Đậu Lê đem châu Như ý treo lên đầu cờ chí tâm cầu nguyện.

即雨七寶衣被飲食遍閻浮提。

Tức vũ thất bảo y bị ẩm thực biến Diêm-phù-đề.

Tức thì mưa 7 vật báu, quần áo chăn ấm đồ ăn uống, biến ra khắp Diêm Phù Đề.

無量臣民皆悉豐樂。時天帝釋及與人王。

Vô lượng thần dân giai tất phong lạc. Thời Thiên-đế-thích cập dĩ nhân Vương.

Vô lượng thần dân tất cả đều no đủ sung sướng. Lúc đó Ngọc Hoàng cùng với Vua của loài người.

大海龍王迦留金翅鳥王。各捨諸欲來在山澤。

Đại hải Long-vương, Ca-lưu Kim-sí điều Vương. Các xả chư dục lai tại sơn trạch.

Vua Rồng biển lớn, Vua Kim Sí Điều Ca Lưu.

Họ buông bỏ các ham Dục, tới ở trong núi đâm.

持齋坐禪自守身心。各各自言：我得福多。

Trì trai tọa Thiền tự thủ thân tâm. Các các tự ngôn : Ngã đắc Phúc đa.

Giữ Trai giới ngòai Thiền tự giữ gìn thân tâm.

Từng người tự nói rằng : Ta được Phúc nhiều.

天王自言：

我捨天上諸欲之樂。今來在此攝身口意。我得福多。

Thiên-vương tự ngôn : Ngã xả Thiên thượng chư dục chi lạc. Kim lai tại thủ nhiếp Thân Khẩu Ý. Ngã đắc Phúc đa.

Thiên Vương tự nói rằng : Ta buông bỏ các ham Dục vui sướng trên Trời. Nay tới ở nơi này thu lấy Thân Miệng Ý. Ta được Phúc nhiều.

人王復言：

我捨宮中諸欲之娛。來在此間守身口意。我得福多。

Nhân Vương phục ngôn : Ngã xả cung trung chư dục chi ngu. Lai tại thủ gian thủ Thân Khẩu Ý. Ngã đắc Phúc đa.

Vua của loài người lại nói rằng : Ta buông bỏ các ham Dục vui thú ở trong cung điện. Tới ở nơi này giữ gìn Thân Miệng Ý. Ta được Phúc nhiều.

龍王復言：

我捨大海七寶宮殿諸欲之樂。今來在此守身口意。我得福多。

Long-vương phục ngôn : Ngã xả đại hải thất bảo cung điện chư dục chi lạc. Kim lai tại thủ thủ Thân Khẩu Ý. Ngã đắc Phúc đa.

Vua Rồng lại nói rằng : Ta buông bỏ biển lớn cung điện bằng 7 vật báu, các ham Dục sung

sướng. Nay tới ở nơi này giữ gìn Thân Miệng Ý. Ta được Phúc nhiều.

金翅鳥王亦復說言：今此龍王是我之食。

**Kim-sí điều Vương diệc phục thuyết ngôn :
Kim thử Long-vương thị Ngã chi thực.**

**Vua Kim Sí Điều cũng lại nói rằng : Ngày nay
Rồng này là thức ăn của Ta.**

我今持齋攝身口意。無傷害心而不食之。我得福多。

**Ngã kim trì trai nhiếp Thân Khẩu Ý. Vô
thương hại tâm nhi bất thực chi. Ngã đắc
Phúc đa.**

**Ta ngày nay giữ Trai giới thu lấy Thân Miệng
Ý. Không làm hại thương tổn mà không ăn
thịt. Ta được Phúc nhiều.**

於是四王各自歎說意不決了。便相謂言：

**Ư thị tứ Vương các tự thán thuyết ý bất quyết
liễu. Tiện tương vị ngôn :**

**Khi đó 4 Vua từng người tự nói ca ngợi, ý
không quyết định được. Liên cùng nhau nói
rằng :**

今當共往問師比豆梨。即往比豆梨所。頭面作禮。

Kim đương cộng vãng vấn sư Tì-đậu-lê. Túc vãng Tì-đậu-lê sở. Đầu diện tác lễ.

Nay cần cùng nhau tới hỏi Thầy Tì Đậu Lê. Túc thì đi tới nơi ở của Tì Đậu Lê. Phục đất làm lễ.

各白如是。誰得福多？菩薩答言：

Các bạch như thị. Thùy đắc Phúc đa ? Bồ-tát đáp ngôn :

Họ báo cáo như thế. Ai được Phúc nhiều ?

Bồ Tát trả lời nói rằng :

汝等各豎四幢幡。青色白色黃色赤色。

Nhữ đẳng các thụ tứ tràng phan. Thanh sắc bạch sắc hoàng sắc xích sắc.

Các Ngài từng người dựng 4 cờ phan. Màu xanh, màu đỏ, màu trắng, màu vàng.

即便受教豎四幢幡。菩薩問言：其影異耶，一種色乎？

Túc tiện thụ giáo thụ tứ tràng phan. Bồ-tát vấn ngôn : Kỳ ảnh dị da. Nhất chủng sắc hô ?

Tức thì liền nhận lời dạy, dựng 4 cờ phan.

Bồ Tát hỏi nói rằng : Bóng ảnh của chúng khác nhau, một loại màu sắc phải không ?

四王答言：幡色各異。其影一色而無有異。

Tứ-vương đáp ngôn : Phan sắc các dị. Kỳ ảnh nhất sắc nhi vô hữu dị.

Bốn Vua trả lời nói rằng : Sắc của cờ từng chiếc khác nhau. Bóng ảnh của nó một màu sắc mà không có sai khác.

菩薩答言：汝等四王各捨所欲。

Bồ-tát đáp ngôn : Nhữ đẳng Tứ-vương các xả sở dục.

Bồ Tát trả lời nói rằng : Các Ngài 4 Vua từng người buông bỏ được ham Dục.

而來在此持戒自守。所得功德皆悉同等而無差特。

Nhi lai tại thử Trì-giới tự thủ. Sở đắc công Đức giai tất đồng đẳng nhi vô sai đặc.

Mà tới ở nơi này, giữ Giới tự giữ gìn. Có được công Đức tất cả đều cùng bằng nhau, không có khác biệt.

如四色幡其影一類而無有異。

Như tứ sắc phan kỳ ảnh nhất loại nhi vô hữu dị.

Như 4 cờ màu sắc, bóng ảnh của nó cùng 1 loại mà không có khác nhau.

於時四王聞其所言。各各意解歡喜踊躍。

Ư thời Tứ-vương văn kỳ sở ngôn. Các các ý giải hoan hỉ dũng dục.

Khi đó 4 Vua nghe được lời nói đó. Từng người hiểu ý vui mừng dũng mãnh.

時天帝釋即以天上劫波育衣奉上菩薩。

Thời Thiên-đế-thích tức dĩ Thiên thượng Kiếp-ba-dục y phụng thượng Bồ-tát.

Lúc đó Ngọc Hoàng Đế Thích tức thì lấy áo Kiếp Ba Dục ở trên Trời kính dâng lên Bồ Tát.

於時人王即以雜妙之寶上於菩薩。

Ư thời nhân Vương tức dĩ tạp diệu chi bảo thượng ư Bồ-tát.

Khi đó Vua loài người tức thì lấy đủ loại báu vật vi diệu kính dâng lên Bồ Tát.

大海龍王即以髻中摩尼寶珠以上菩薩。

Đại hải Long-vương tức dĩ kế trung Ma-ni bảo châu, dĩ thượng Bồ-tát.

Vua Rồng biển lớn tức thì lấy châu báu Như Ý ở trong búi tóc, đem dâng lên Bồ Tát.

金翅鳥王天金(巾*弗)飾以貢菩薩。於時四王皆大歡喜作禮而去。

Kim-sí điều Vương Thiên kim phát sức dĩ công Bồ-tát. Ư thời Tứ-vương giai đại hoan hỉ tác lễ nhi khứ.

Vua Kim Sí Điều, phát trang sức bằng vàng cõi Trời, đem dâng lên Bồ Tát. Khi đó 4 Vua đều rất vui mừng làm lễ mà ra đi.

時閻浮提一切民人龍及夜叉盡行十善。

Thời Diêm-phù-đề nhất thiết dân nhân Long cập Dạ-xoa tận hành Thập-thiện.

Lúc đó Diêm Phù Đề tất cả nhân dân Rồng cùng với Dạ Xoa hết thảy thực hành 10 Nghiệp thiện.

當是之時世有壽終者盡皆生天。無有墮於三塗中者。

Đương thị chi thời thế hữu thọ chung giả tận giai sinh Thiên. Vô hữu đọa ư Tam-đồ trung giả.

Đang thời gian đó người ở đời có bỏ mệnh, tất cả đều sinh lên Trời. Không có đọa xuống trong Địa ngục Quỷ đói Súc sinh.

佛告諸比丘！爾時國師比豆梨者今我身是。

Phật cáo chư Tì-kheo ! Nhĩ thời Quốc sư Tì-đâu-lê giả, kim Ngã thân thị.

Phật bảo các Tì Kheo ! Thời đó Quốc sư Tì Đâu Lê, nay là thân của Ta.

爾時龍王波留尼者今輔相是。

Nhĩ thời Long-vương Ba-lưu-ni giả, kim phụ tướng thị.

Thời đó Vua Rồng Ba Lưu Ni, nay là tướng giúp việc.

龍王夫人摩那斯者。今此輔相婦是。

Long-vương phu nhân Ma-na-tư giả, kim thủ phụ tướng phụ thị.

Vợ của Vua Rồng Ma Na Tư, nay là vợ của tướng giúp việc.

昔爲龍時從我聞法歡喜入心。得脫龍身生於天上。

Tích vi Long thời tòng Ngã văn Pháp hoan hỷ nhập tâm. Đắc thoát Long thân sinh ư Thiên thượng.

**Thời trước kia theo Ta nghe Pháp vui mừng
thấm vào tâm. Được thoát khỏi thân Rỗng,
sinh lên trên Trời.**

今我得佛從我聞法歡喜意解。

**Kim Ngã đắc Phật tòng Ngã văn Pháp hoan
hỷ ý giải.**

**Ta nay được thành Phật, theo Ta nghe Pháp
vui mừng hiểu ý.**

即便出家思惟智慧。諸欲永盡俱得羅漢。

**Tức tiện Xuất-gia tư duy Trí tuệ. Chư dục
vĩnh tận câu đắc La-hán.**

**Tức thì liền Xuất gia suy nghĩ Trí tuệ. Các
ham Dục vĩnh viễn mất hết, đều được quả La
Hán.**

過去世時其心亦好。至于今世其心亦好。

**Quá-khứ thế thời kỳ tâm diệc hảo. Chí vu
kim thế kỳ tâm diệc hảo.**

**Thời đời Quá khứ tâm của họ cũng tốt. Đến
đời ngày nay tâm của họ cũng tốt.**

時諸比丘聞佛所說。皆大歡喜為佛作禮。

**Thời chư Tỳ-kheo văn Phật sở thuyết. Giai
đại hoan hỷ vị Phật tác lễ.**

Lúc đó các Tỳ Kheo nghe được Phật nói. Đều rất vui mừng vì Phật làm lễ.

佛說菩薩本行經卷下

Phật thuyết Bồ-tát Bản Hạnh Kinh quyển hạ.
Phật nói Kinh Hạnh gốc của Bồ Tát quyển cuối.

=====

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION

<http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyễn
Hiển Trần Tiến Huyền Phiên Âm.

Phật Tử Bùi Đức Huê dịch 1/2012.

=====

=====